

Phòng Vấn Đặc Biệt
ĐỨC TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH NHƯ ĐIỂN
NHÂN 60 NĂM CHU NIÊN (1966-2026) CỦA HỘI ĐỒNG TĂNG GIÀ THẾ GIỚI

Thực hiện phỏng vấn ngày 17/08/2026

TT. Thích Nguyên Tạng
Thành viên Ban Hoằng Pháp
Hội Đồng Tăng Già Thế Giới

Lời Giới Thiệu:

Hơn sáu thập niên khoác áo Như Lai, Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển đã dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp tu học, giáo dục, hoằng pháp, phiên dịch kinh điển và xây dựng nền móng Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại. Từ một người con của quê hương Quảng Nam, xuất gia tại Tổ đình Phước Lâm, Hội An năm 1964, Ngài có nhân duyên du học Nhật Bản, rồi từ năm 1977 dừng chân tại Đức Quốc, nơi Ngài đã cùng cộng đồng Phật tử từng bước kiến lập Chùa Viên Giác tại Hannover, về sau trở thành một trong những trung tâm văn hóa và Phật giáo Việt Nam tiêu biểu tại Âu Châu.

Không chỉ gắn bó với sự hình thành và phát triển của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu, Hòa Thượng còn dành nhiều tâm huyết cho công cuộc hoằng pháp, giáo dục và phiên dịch kinh điển. Với một gia tài trước tác và dịch thuật phong phú qua nhiều ngôn ngữ, Ngài hiện đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch Ủy ban Phiên dịch Trung ương, đồng thời nhiều năm tham gia các Phật sự quốc tế và được cung thỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council).

Nhân dịp hướng đến dấu mốc chu niên 60 năm (1966-2026) Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, Trang Nhà Hoằng Pháp, Quảng Đức & Viên Giác trân trọng thực hiện cuộc phỏng vấn đặc biệt với Hòa Thượng Thích Như Điển, để cùng Ngài nhìn lại những chặng đường quan trọng của một đời tu học và phụng sự: từ quê hương Việt Nam đến Nhật Bản, Đức Quốc và Âu Châu; từ những ngày đầu hình thành Niệm Phật Đường Viên Giác đến ngôi Chùa Viên Giác ngày nay; từ công cuộc hoằng pháp, đào tạo Tăng tài, phiên dịch kinh điển đến những Phật sự kết nối Tăng già trên phạm vi thế giới.

Chúng con không chỉ mong được nghe Hòa Thượng kể lại những sự kiện của một đời người, mà quan trọng hơn là được lắng nghe những nhân duyên phía sau các sự kiện ấy, những gian nan trên con đường hoằng pháp nơi xứ người, những bài học được kết tinh qua hơn sáu thập niên đời tu, cùng những ưu tư và tâm nguyện của Ngài đối với tương lai Phật giáo Việt Nam và Tăng già thế giới.

Thay mặt quý độc giả Trang Nhà Hoằng Pháp, Viên Giác & Quảng Đức, chúng con xin thành kính tri ân Hòa Thượng đã hoan hỷ dành thời gian cho cuộc trò chuyện đặc biệt này, và trân trọng kính mời quý độc giả cùng theo dõi.

I/ XUẤT GIA, TU HỌC, NHỮNG BƯỚC CHÂN ĐẦU ĐỜI

1/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Kính bạch Hòa Thượng, năm 1964, khi tuổi đời còn rất trẻ, Ngài đã xuất gia tại Tổ đình Phước Lâm, Hội An. Nhân duyên nào đã đưa một người con của quê hương Quảng Nam đến quyết định xuất gia, và hình ảnh nào của những ngày đầu vào chùa vẫn còn sâu đậm nhất trong ký ức của Ngài?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Đầu tiên, xin cảm ơn Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng rất nhiều về những suy nghĩ cần thiết để phỏng vấn những bậc Tôn túc còn hiện tiền trước đây, và nay đến phiên tôi cũng được Thầy đề cập đến. Vậy tôi xin trả lời những câu hỏi của Thượng Tọa với sự chân thành nhất của mình đến với độc giả của Trang Nhà Quảng Đức, Trang Nhà Hoằng Pháp và Trang Nhà Viên Giác vậy.

Tôi sinh năm 1949 tại thôn Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình trung nông. Thân phụ tôi là Cụ Ông Lê Quyên, pháp danh Thị Tế, quy y với Hòa Thượng Thích Như Vạn,

Trụ trì Tổ đình Phước Lâm, Hội An. Ông sinh năm 1898, vào cuối thế kỷ XIX, và mất ngày mùng 9 tháng 7 năm 1986, hưởng thọ 89 tuổi. Tôi sinh ra vào cuối tiền bán thế kỷ XX (1949), là con út trong một gia đình có 5 anh em trai và 3 chị gái. Thân mẫu tôi tên là Hồ Thị Khéo, pháp danh Thị Sắc, sinh năm 1908 và mất vì chiến tranh vào ngày 27 tháng 3 năm 1966. Lúc ấy tôi đã xuất gia được 2 năm.

Trong làng tôi có một ngôi chùa tên gọi là Hà Linh; nơi đây là nơi sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Hà Linh. Chính Gia Đình này là nơi phát sinh ra những vị đi xuất gia về sau, và họ đã, đang trở thành những vị Hòa Thượng, Ni Trưởng như: Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Chỉ, Ni Trưởng Thích Nữ Như Viên, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Phước, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Nghĩa v.v...

Tôi bắt đầu sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử Hà Linh từ năm 1958, lúc gần 10 tuổi. Những bài hát như: Ta Đoàn Áo Lam, Một hôm, một hôm mong một đến chùa, Chị Đàn Em, Chúng ta là chim v.v... Dưới ánh trăng rằm ở đồng quê, tiếng hát của trẻ thơ đầu đời có tính Phật như vậy đã thấm sâu vào tâm khảm của mình.

Đến năm 1963, sau mùa tranh đấu, Thầy tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí, Trụ trì chùa Viên Giác, Hội An, được Ban Hộ Tự cung thỉnh Ngài về giảng pháp. Cuối năm 1963, tôi đã được quy y với Ngài, với pháp danh là Như Điển. Pháp danh ấy tôi vẫn sử dụng mãi cho đến ngày nay; mặc dầu khi thọ Sa Di năm 1967 tại chùa Phổ Đà ở Đà Nẵng, tôi được Thầy tôi cho pháp tự là Giải Minh; và tháng 10 năm 1971, thọ Tỳ-kheo giới tại Tu Viện Quảng Đức ở Thủ Đức, nơi cố Hòa Thượng Thích Quảng Liên làm Viện chủ, tôi được Hòa Thượng Bổn Sư ban cho pháp hiệu là Trí Tâm.

Giới đàn năm ấy, Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm Đàn Đầu Hòa Thượng, Hòa Thượng Thiện Hòa làm Yết-ma A-xà-lê, Hòa Thượng Hành Trụ làm Giáo thọ A-xà-lê. Thầy Minh Phát, chùa Ấn Quang, lúc đó thọ Sa Di.

Hòa Thượng Bảo Lạc, anh ruột của tôi, cũng sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử Hà Linh. Năm 1957, Thầy đã đi xuất gia vào ngày mùng 8 tháng 2 âm lịch, để lại không biết bao nhiêu nỗi thương nhớ cho gia đình sau khi đọc những bức thư của Thầy viết để lại. Lúc đó, tôi vẫn chưa có ý niệm gì về việc xuất gia của mình về sau này cả; nhưng dần dà, qua những lần thăm viếng chùa Non Nước ở Đà Nẵng, nơi cố Hòa Thượng Thích Trí Hữu Trụ trì, tôi đã cảm nhận được mùi thiền nên có tâm nguyện xuất gia vào thời điểm năm 1960.

Thế nhưng tôi chưa dám thưa với Cha Mẹ vì tôi đang học Tiểu học chưa xong. Mãi đến mùa hè năm 1961 mới học xong, tôi quyết định xin Cha Mẹ cho đi xuất gia; nhưng hai Ông Bà cứ lần lữa mãi, bảo rằng: “Con là con út trong gia đình, và lại anh con đã đi tu rồi, tại sao phải đi thêm một người nữa?”

Tôi yên lặng và chờ đợi thời cơ. Mãi đến đầu năm 1964, tôi xin một lần nữa với sự quyết tâm mãnh liệt: “Nếu Cha Mẹ không cho con đi, con sẽ trốn nhà đi như Anh Bảy (Thầy Bảo Lạc).”

Sau mấy tuần lễ, hai Ông Bà bàn tính sao đó, lại bảo với tôi rằng: “Nếu con xin Mẹ con đồng ý, thì Cha sẽ cho.” Khi xin Mẹ thì Mẹ bảo: “Nếu xin Cha con đồng ý thì Mẹ sẽ cho.”

Thế là nước cờ đã mở trong lòng. Tôi chuẩn bị tất cả hành trang cho một chú Tiểu, mặc dầu lúc đó chưa xuống Hội An để thưa trước với Thầy Bổn Sư của mình.

Ngày tôi chọn ra đi là ngày Rằm tháng 5 năm 1964. Ngày ấy là ngày giỗ của Ông Nội tôi, tất cả các Anh Chị tôi đều về nhà Cha Mẹ tôi đầy đủ. Lúc đó còn có thêm hai Ông Anh Rể, một bà chị dâu nữa; còn các cháu thì còn nhỏ.

Sau khi đám giỗ Ông Nội xong, tôi lên lạy Phật và chào từ biệt gia đình, ra đi vào giữa mùa hè oi ả. Trong nhà ai cũng khóc, lấy hai mắt dõi theo; trong khi tôi mỉm cười vì đã tự chiến thắng với chính mình và đạp xe thẳng xuống chùa Viên Giác, Hội An, trình Thầy.

Thầy không ngạc nhiên, nhưng bảo rằng: “Tôi phải đi Sài Gòn chữa bệnh. Ông hãy cầm bức thư này ra Tổ đình Phước Lâm gặp Thầy Như Vạn, Trụ trì Tổ đình, trình lên và thưa những điều Ông mong muốn. Khi nào tôi từ Sài Gòn trở về chùa, sẽ cho người gọi Ông về Viên Giác để xuống tóc.”

Sau đó, Thầy cho một bộ áo vạt hò rộng thùng thình, và tôi cất giữ mãi cho đến khi vào Sài Gòn năm 1969.

Ngày 19 tháng 6 năm Giáp Thìn (1964), tôi được gọi về chùa Viên Giác. Thầy tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí, cho thế phát xuất gia; và cũng trong ngày ấy, tôi đã đạp xe trở lại Tổ đình Phước Lâm để tiếp tục tu học cùng Đại chúng. Lúc đó đang có Thầy Hạnh Thu, Thầy Hạnh Đức, Thầy Hạnh Chơn, v.v... Đây là nhân duyên đã đầy đủ để tôi được xuất gia tại hai chùa Tổ ở Hội An, Quảng Nam vào năm 1964

2/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Bôn Sư của Ngài là Cố Hòa Thượng Thích Long Trí, là một vị trong Quảng Nam Tứ Trụ. Trong cuộc đời tu học của mình, Ngài đã thừa hưởng những gì quan trọng nhất từ Thầy Bôn Sư?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Thầy tôi vốn sinh ra trong dòng dõi danh gia vọng tộc tại làng Minh Hương, Hội An. Cụ thân sinh của Ngài có thời làm Lý trưởng tại thị xã Hội An; anh ruột của Ngài là Dân biểu Lý Trường Trân, thuộc khối đối lập Hạ viện thời Đệ Nhị Cộng Hòa của ông Nguyễn Văn Thiệu. Vì thế, bản chất của Ngài rất thông minh và nhanh nhẹn; làm việc gì cũng có tính cách quyết đoán, dứt khoát, không vị nể bất cứ quan quyền nào, ngay cả trong nội bộ Phật Giáo. Do đó, Thầy tôi cũng có rất nhiều người không ưa.

Quảng Nam Tứ Trụ thời bấy giờ là: cố Hòa Thượng Thích Chơn Phát, Trụ trì Tổ đình Long Tuyền; cố Hòa Thượng Thích Như Vạn, Trụ trì Tổ đình Phước Lâm; cố Hòa Thượng Thích Như Huệ, Trụ trì chùa Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Nam, sau này đổi thành chùa Pháp Bảo; và Thầy tôi, Trụ trì Tổ đình Viên Giác.

Mùa hè năm 1966, tôi xin phép Hòa Thượng Thích Như Vạn về chùa Viên Giác để tu tập. Vì lúc ấy, với tuổi thanh xuân, tôi bị ám ảnh bởi một vài chuyện không hay xảy ra trong chùa nên đã xin rời khỏi Tổ đình Phước Lâm.

Về Viên Giác cũng chẳng phải được yên thân, vì năm đó có lệnh “bàn Phật xuống đường” của Hòa Thượng Thích Trí Quang. Hầu như tất cả các chùa miền Trung, quý Thầy đều bị bắt vào ngồi tù. Thầy tôi và tôi cũng phải chịu vòng lao lý trong ba tháng. Thầy bị giam giữ ở Sài Gòn, còn tôi bị nhốt tại Ty Cảnh sát Quốc gia Quảng Nam.

Vào ngày 27 tháng 3 năm 1966, lần đầu tiên trong đời tôi đã khóc suốt một ngày khi biết rằng Mẹ và Bác của mình bị máy bay canh nông của lực lượng quốc gia nã vào vùng xôi đậu để chiến đấu với bộ đội của Mặt trận Giải phóng miền Nam.

Mãi cho đến bây giờ, gần 80 tuổi và hơn 62 năm ở chùa cũng như làm Phật sự khắp nơi, tôi chưa bao giờ khóc, và có lẽ tôi cũng sẽ không khóc cho đến lúc nắp quan tài đặt lại. Tôi cũng chưa bao giờ cười hả dạ, dầu trong bóng tối, khi tôi đã thực hiện thành công được một dự án nào. Bởi lẽ tôi hiểu rằng, khóc hay cười cũng chỉ là chuyện đối đãi tương đối trong cuộc đời này mà thôi.

Tôi cũng chẳng bao giờ hãnh diện về mình nhiều. Vì tôi nghĩ, đôi khi cây cỏ mọc hai bên lề đường vẫn còn nở hoa, khoe sắc thắm để cống hiến nét đẹp và mùi hương cho đời. Còn mình đâu có gì mà vui.

Hơn thế nữa, mẫu thân của tôi vốn là người không biết chữ, trong khi thân phụ thì rất rành rẽ Hán văn. Bà Cụ thân sinh không dạy gì cho anh em chúng tôi những việc cao thượng, nhưng đã là tấm gương sáng để suốt đời chúng tôi phải noi theo. Đó là: trên phải biết kính người trưởng thượng, dưới phải biết nhường nhịn những người nhỏ tuổi hơn mình.

Chỉ ngần ấy lời dạy thôi, tôi đã mang theo suốt cả một cuộc đời và ứng dụng vào cuộc sống; nên việc gì rồi cũng trôi qua một cách thuận duyên, và hầu như không có nghịch cảnh nào khiến tôi chùn bước. Đó là nhờ ý chí của Thầy và gương hy sinh, kham nhẫn của người Mẹ quê chất phác.

Tôi học được rất nhiều đức tính ưu việt từ Thầy Bồn Sư. Thầy cũng chưa bao giờ tán dương tôi trước mặt người khác, đầu biết rằng tôi là một trong những học sinh gương mẫu, xuất sắc nhất của Trường Trung học Bồ Đề Hội An trong các niên khóa 1965–1966, 1966–1967 và 1967–1968. Trước đó, niên khóa 1964–1965, tôi học Đệ Thất tại Trường Trung học Tư thực Diên Hồng cùng với Hòa Thượng Thích Giải Trọng, Hòa Thượng Thích Như Phẩm v.v...

Cuối niên học Đệ Tứ năm 1968, tôi có ba phần thưởng. Đó là: phần thưởng Nhất lớp; thứ hai là phần thưởng học giỏi nhất trường trong số 900 học sinh; và thứ ba là phần thưởng hạnh kiểm tốt, siêng năng, đi học không bỏ một ngày nào. Đó là thời cổ Hòa Thượng Thích Như Huệ làm Giám học Trường Bồ Đề Hội An.

Với ba phần thưởng ấy, tôi được cho sang Trường Trung học Công lập Trần Quý Cáp để học Đệ Tam. Có năm người được chuyển sang học các ban A, B và C. Đó là: Hòa Thượng Thích Như Phẩm (nay là Trụ trì Tổ đình Long Tuyền tại Hội An); Dương Hứa Nguyên (nay là Bác sĩ), đang ở Sài Gòn; Phùng Rân (đã mất trong chiến tranh); Nguyễn Thị Thu Hương (nay là Dược sĩ); và tôi.

Nhưng sau khi học xong lớp Đệ Tam A tại Trường Trần Quý Cáp, lúc ông Tống Khuyển làm Hiệu trưởng, tôi rời chùa Viên Giác, Hội An, vào Sài Gòn, ở tại chùa Hưng Long, đường Minh Mạng, Chợ Lớn, để tiếp tục học lớp Đệ Nhị tại Trường Cộng Hòa của Giáo sư Phạm Văn Vận, niên khóa 1969–1970.

Niên khóa 1970–1971, sau khi tốt nghiệp Tú tài toàn phần, tôi chuẩn bị lên đường sang du học Nhật Bản. Lý do thì có nhiều, nhưng tựu trung chỉ vì muốn tìm tòi và khám phá những gì mới lạ ở một chân trời khác.

Trong thời gian tôi ở Viên Giác và Phước Lâm, mỗi năm vào mùa hè, tôi đều được quý Thầy cho sang chùa Tổ Long Tuyền, nơi Hòa Thượng Thích Chơn Phát Trụ trì, để học Kinh, Luật, Luận trong ba tháng. Nhờ vậy mà chữ Hán và giáo lý bắt đầu thâm nhập được phần nào, song song với chương trình thể học ở ngoài đời.

3/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Ngài vừa học Phật học vừa theo đuổi thể học, từng là một học sinh xuất sắc trước khi sang Nhật du học. Theo kinh nghiệm của Ngài, đối với một người xuất gia, Giới, Định, Tuệ, Phật học và thể học nên hỗ trợ cho nhau như thế nào?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Việc này cũng khá quan trọng đối với người xuất gia như chúng tôi. Do vậy, trong quyển Pháp Ngữ của tôi, đã có lần tôi nói rằng: “Sự học không làm cho chúng ta giác ngộ, giải thoát được. Nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia, không thể thiếu sự tu và sự học.”

Sau này, khi lớn khôn, tôi đọc rất nhiều sách, kinh và tạp chí. Thật ra, lúc nhỏ tôi rất lười học và đọc sách; nên cuối năm tốt nghiệp Tiểu học (1961), lúc chưa xuất gia, tôi đứng hạng gần chót lớp. Từ đó, tôi biết được rằng sự thành công nào cũng cần phải cố gắng, chứ không phải kết quả kia tự nhiên mà có.

Người Pháp có câu: Aide-toi, le ciel t’aidera; nghĩa đen là: “Hãy tự giúp mình, rồi Trời sẽ giúp ta.” Ý nói, có tự lực thì mới mong được kẻ khác giúp, hoặc như tiếng Việt thường nói: Có công mài sắt, có ngày nên kim. Người ta thường nói rằng thiên tài chỉ có 1% là năng khiếu, còn 99% là nhờ vào mồ hôi, ý chí và sự cố gắng. Phần tôi thuộc về 99% này.

Chúng ta học thuyết Duyên Khởi của Phật Giáo đều biết rằng: “Cái này có nên cái kia có; cái này sinh nên cái kia sinh; cái này diệt nên cái kia diệt.” Tất cả đều là một chuỗi nhân duyên của trùng trùng duyên khởi và trùng trùng biến hiện. May mắn là chúng ta được làm người và có cơ hội trở thành một người Phật tử, nhất là được xuất gia học Đạo nữa. Ở phương diện này, Đạo và Đời tương tức với nhau, hợp thành một chuỗi nhân duyên bất khả tư nghì để chúng ta thực hành Giới, Định và Tuệ.

4/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Năm 1972, Ngài sang Nhật Bản với một học bổng rất khiêm tốn, học Nhật ngữ rồi theo ngành Giáo dục học tại Đại học Teikyo và tiếp tục Cao học Phật giáo. Những năm tháng ở Nhật đã ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng, phương pháp học tập và đường hướng hoằng pháp của Ngài sau này?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Nói đến Nhật Bản thì riêng tôi phải ngả mũ chào họ suốt đời, vì tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và xã hội của người Nhật rất cao. Hầu như họ không bao giờ thất hứa với ai, rất đúng giờ, sạch sẽ, ngăn nắp, điềm tĩnh và luôn tự hoàn thiện bản thân mình, không chờ ai nhắc nhở. Ví dụ như khi xếp hàng, kể cả lúc đi vệ sinh, họ không bao giờ chen lấn; không chửi thề, không tự khen mình, chê người, không nói chuyện xấu dở của người bên cạnh...

Chừng đó đức tính của người Nhật, chúng ta học và thực hành theo suốt đời cũng chưa chắc đã xong. Nên bất cứ lúc nào có cơ hội trở về Nhật Bản, đứng trước các hội nghị hay các lớp sinh viên Nhật trong nhiều trường đại học, tôi thường bày tỏ quan điểm của mình rằng:

“Xin cảm ơn nước Nhật của các bạn. Vì nếu không có hạt cơm và nước uống của người Nhật đã cứu mạng tôi từ năm 1972 đến năm 1977 thì tôi không có ngày hôm nay.”

Năm 1972, lẽ ra tôi phải học ở Trường Nhật ngữ Yotsuya một năm rồi mới thi vào đại học được; nhưng tôi đã học nhảy. Nghĩa là sau khóa I, học ba tháng đầu, tôi có kết quả thi trên 90 điểm nên được lên lớp III, bỏ qua lớp II. Cuối khóa III, tôi lại được hơn 90 điểm nên bỏ khóa IV và lên thẳng khóa V. Như vậy, lẽ ra phải học năm khóa, mà tôi chỉ cần học ba khóa trong chín tháng mà thôi.

Nhân tiện câu hỏi của Thượng Tọa, sẵn đây tôi xin tạ ân những vị đang còn sống và những vị đã qua đời có liên quan đến nhân duyên tôi được sang Nhật Bản du học thuở ấy.

Người đầu tiên là Thầy Bồn Sư của tôi; kế tiếp là Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, người đã cung cấp học bổng cho tôi từ sau năm 1975 đến năm 1977, trước khi tôi rời Nhật Bản sang Đức.

Người kế tiếp là Sư huynh tôi, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc. Lúc đó, Thầy đang đi dạy ở Trường Bồ Đề Huỳnh Kim tại Sài Gòn và đã giới thiệu tôi với Thầy Lâm Như Tạng để giúp đỡ hồ sơ, giấy tờ đi Nhật. Bây giờ, Thầy Lâm Như Tạng đang định cư tại Úc sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại học Meiji (Minh Trị) ở Tokyo.

Người đầu tiên đón nhận tôi khi đến Nhật là Trưởng lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành. Hiện nay Ngài đang ở Hoa Kỳ và năm nay Ngài đã 93 tuổi.

Người tiếp theo là cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Sau khi tôi thi đậu vào Trường Teikyo (Đế Kinh), phân khoa Giáo dục học, thì đã cạn tiền; nên tôi nhờ Hòa Thượng Thích Minh Tâm xin cho vào chùa Nhật Honryuji (Bồn Lập Tự) ở Hachioji (Bát Vương Tử), gần Tokyo, để ở nhờ.

Với ân này, tôi có được nhiều điều lợi ích trước mắt. Đó là tiếng Nhật tự nhiên giỏi ra. Bởi lẽ, hằng ngày ở chùa tụng kinh bằng tiếng Nhật, nói chuyện bằng tiếng Nhật; đến trường học chung với những sinh viên Nhật Bản cũng nói tiếng Nhật. Nhờ vậy, sau gần 50 năm (1977–2026) rời Nhật Bản, tôi vẫn có thể sử dụng tiếng Nhật một cách thông thạo.

Ngoài ra, tôi còn đỡ được tiền thuê nhà, cơm ăn, áo mặc v.v... Bù lại, tôi phải làm công việc của một hành giả đang tu tập tại chùa, nên cũng đã trải qua khá nhiều nhọc nhằn; nhất là phải nghe tiếng bác tiếng chửi từ phu nhân của Hòa Thượng Trụ trì Oikawa. Riêng Ngài thì phải nói là một người rất tốt, quá tốt đối với chúng tôi, những người ngoại quốc đang ở trong chùa của Ngài.

Một hôm, vào mùa đông năm 1973, tôi đang tụng kinh. Bên ngoài tuyết rơi, trời khá lạnh; nhưng Chánh điện của chùa thì không có sưởi, mà người tu khi lên Chánh điện tụng kinh hay làm việc lại không được mang vớ. Do vậy, tôi mới thưa với Ngài rằng:

“Trời bên ngoài và bên trong chùa đều lạnh, nhưng chùa không có sưởi, chúng con phải làm sao?”

Ngài cười và trả lời:

“Các Ông hãy tụng kinh lớn tiếng lên là hết lạnh thôi.”

Điều này có nghĩa là xưa nay người Nhật phải chịu kham khổ để vượt qua những khó khăn như vậy, thì người ngoại quốc cũng nên như thế.

Một lần khác, tôi vẫn còn thói quen của người Việt Nam, thấy chùa còn sạch thì nghĩ tại sao mỗi ngày phải lau dọn đến hai lần. Tôi mới hỏi Ngài và Ngài dạy rằng:

“Người tu hành mà lau chùa không sạch thì làm sao lau cái tâm cho sạch?”

Nghe xong, tôi cúi đầu và lặng lẽ đi về phía phòng khách để tiếp tục việc lau chùi.

Đó là những việc bình thường; còn những chuyện như tiếp khách, tụng kinh, giảng pháp, du lịch v.v... thì có cả hàng tá chuyện để kể ra đây nữa. Nhưng câu cuối vẫn là: Tôi xin cúi đầu niệm ân tất cả những vị đã nêu danh bên trên và những người ẩn danh khác như bạn bè, người đồng hương như Phan Đức Lợi, Nguyễn Thông v.v...

5/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Nhìn lại từ một chú tiểu ở Hội An đến một vị Tăng Việt Nam học tập tại Nhật Bản rồi hoằng pháp tại Đức, đâu là bước ngoặt quan trọng nhất đã làm thay đổi hướng đi của cuộc đời Ngài?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Đúng vậy! Ngày nay, ngồi nghĩ lại sau hơn 62 năm ở chùa và gần 80 năm với cuộc thế, tôi không nghĩ đó là chính mình nữa. Những gì tôi đã thực hiện được dường như đều do Tam Bảo sắp đặt trước, chứ chẳng phải do tôi chủ trương.

Rõ ràng là tôi đã tự nghĩ ra con đường xuất gia; nhưng từ khi làm chú Tiểu ở Tổ đình Phước Lâm và Tổ đình Viên Giác tại Hội An, Quảng Nam, lúc mới lên 15 tuổi, tôi không nghĩ rằng mình phải đi học rồi có bằng cấp này, bằng cấp kia. Tôi cũng không nghĩ rằng tại sao mình có thể nhớ lâu và nói được nhiều ngôn ngữ như vậy, trong khi Cha Mẹ và các Anh Chị tôi thì không.

Tôi sinh ra đời, đáng lẽ phải cầm cày, cầm cuốc để làm nghề nông; nhưng tôi lại cầm nhàm cây bút lông và cây bút mực. Nếu tôi trồng cây thì thường không có trái, nhưng trồng người lại nở hoa. Những điều này là do nhân duyên và kết quả của nhiều đời, chứ không phải do tôi tạo dựng nên.

Ngày xưa, khi tôi đi xuất gia, mấy bà già trong làng bảo với nhau rằng: “Gia đình Ông Quyên có hai người con đi xuất dương” — lẽ ra phải nói xuất gia mới đúng. Nhưng rồi đến năm 1972, tôi thật sự đã xuất dương, nghĩa là vượt biển sang Nhật Bản du học. Năm 1974, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng sang Nhật để tiếp nối con đường dùi mài kinh sử.

Tháng 4 năm 1977, khi sang Đức với visa du lịch, tôi cứ nghĩ rằng đi ba tháng rồi sẽ trở lại Nhật học cho xong chương trình Cao học Phật giáo tại Đại học Risso (Lập Chánh) ở Tokyo. Nhưng không, tôi đã đi biên biệt, đến nay gần 50 năm xa Nhật rồi, và chương trình hậu đại học ở Tokyo cũng không hoàn tất trọn vẹn.

Rồi đến Đức, một chân trời mới mở ra. Tôi chẳng bao giờ nghĩ rằng mình sẽ phải làm chùa, độ chúng xuất gia cũng như tại gia; lại càng chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đi thăm viếng và hoằng pháp tại 85 quốc gia trên thế giới. Một người nhà quê làm sao dám nghĩ đến những việc như vậy?

Đến Đức, tôi tiếp xúc với một môi trường mới. Tiếng Đức thì quá khó so với tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Nhật. Thế mà tôi đã hội nhập vào lúc nào chẳng hay.

Tuy tôi có bằng lái xe hơi từ năm 1974, lúc từ Nhật Bản về Việt Nam thăm quê hương một tháng, nhưng chỉ lái xe hai lần tại Nhật rồi thôi. Từ đó đến nay, tôi chưa bao giờ cầm tay lái. Vì vậy, nhiều người bảo rằng tôi sinh ra chỉ để đón nhận những tin vui từ Chính phủ Đức, từ bà con Phật tử khắp nơi, chứ ít khi bị nghịch cảnh quấy rầy.

Việc này không sai mấy; nhưng chính tôi cũng chẳng biết tại sao mình lại được như vậy. Có lẽ nhờ lạy kinh từng chữ một trong 40 mùa An cư kiết hạ, mỗi năm ba tháng, từ năm 1984 đến năm 2024, qua các bộ kinh như: Ngũ Bách Danh, Tam Thiên Phật Danh, Kinh Vạn Phật, Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Lạy từng chữ nên lời dạy của Đức Phật thấm dần vào nội tâm mỗi ngày mà chính mình cũng không hay biết. Và có lẽ cũng nhờ hành trì Kinh Lăng Nghiêm miên mật vào mỗi buổi sáng, từ thuở mới xuất gia cho đến ngày nay, nên mới có được những kết quả ấy chăng?

II/ ĐỨC QUỐC, PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI ÂU CHÂU & CHÙA VIÊN GIÁC

6/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Theo tiểu sử, Ngài đến Đức ngày 22 tháng 4 năm 1977. Khi ấy cộng đồng người Việt tại Đức còn rất nhỏ và điều kiện hoằng pháp chắc chắn vô cùng khó khăn. Những ngày đầu tiên trên đất Đức của Ngài đã diễn ra như thế nào?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Một sinh viên mới ra trường ở Nhật Bản, sang Đức với một chút kiến thức, chẳng chuẩn bị trước gì nhiều; nhưng nhân duyên lại đến dồn dập và khá nhiều. Trong quyền Hương Lúa Chùa Quê, do tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc viết chung, hầu như những điều chính yếu trong cuộc đời của hai anh em chúng tôi đã được giới thiệu khá đầy đủ.

Phải nói rằng tôi mang ơn Bác sĩ Thị Minh Văn Công Trâm không ít. Trâm vừa là bạn học cùng trường thời Tiểu học tại Xuyên Mỹ, vừa là ân nhân, vừa là đệ tử. Bây giờ, cả Ni Trưởng và Bác sĩ Trâm cũng đã ra đi vĩnh viễn rồi.

Lúc còn đi học tiếng Đức tại Trường Volkshochschule ở Kiel vào mùa hè năm 1977, các anh em sinh viên du học từ thời Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975 thường rủ nhau đi đá banh vào cuối tuần, hoặc đi hái trái Kirschen (cherry/trái anh đào □) vào mùa trái chín, cũng rất vui.

Nhiều khi hết tiền, hay nói đúng hơn là phải để dành tiền để trang trải tiền nhà cửa, cơm nước hằng tháng. Lúc đó, Bác sĩ Trâm vẫn còn là sinh viên Y khoa và ở cùng cư xá trên đường Holtenauer, Kiel. Có lần Trâm bắt gặp tôi đi học tiếng Đức về bằng xe đạp giữa mùa đông năm 1977. Trời lạnh lắm; hai tay tôi, thay vì mang găng tay, lại lấy hai chiếc túi ni-lông bọc vào để chạy xe đi học.

Kỷ niệm này về sau đã làm nhiều người cảm động qua bài viết mang nhan đề: “Hai chiếc túi ni-lông làm nên sự nghiệp của Phật Giáo tại xứ người”, do Bác sĩ Thị Minh Văn Công Trâm viết. (mời xem bài viết này)
□□□□□□

Nhưng lúc đó, tôi không than khổ và cũng chưa bao giờ than rằng mình thiếu thốn điều gì. Và chẳng, ý chí lúc ấy quá mạnh, tuổi đời lại chưa đến 30, nên còn hăng say với tương lai, vì con đường phía trước vẫn còn dài chẳng? Nếu là bây giờ, ở tuổi gần 80 rồi, chắc tôi sẽ không dám nghĩ đến những việc như vậy nữa.

Tháng 2 năm 1978, tôi về Hannover để tiếp tục học ngành Giáo dục ở bậc hậu đại học, và thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác nhân mùa Phật Đản vào tháng 4 năm 1978, dưới sự chứng minh của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm.

Thuở ấy, kiều bào còn ít lắm; chỉ có một số sinh viên quây quần lại với nhau như anh Lâm Đăng Châu, Ngô Ngọc Diệp, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Cúc... Ban ngày tôi đi học ở trường Đại học, tối về lo tụng kinh, niệm Phật. Chỉ đơn giản thế thôi.

Thế rồi cuối tháng 12 năm 1978 dưới sự bảo trợ của Ông Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen thuở ấy là Dr. Albrecht. Ông vốn là thân phụ của Bà Bác Sĩ Ursula von der Leyen (Chủ Tịch Ủy Ban Âu Châu (EC) trong hiện tại) vận động chính quyền Liên Bang Đức nhận 2.000 người Việt gốc Hoa đang đi trên hai chuyến tàu Hải Hồng bị lệnh dènh trên biển cả của Hồng Kông về trại tạm cư Friedland gần Göttingen. Thế là tôi có cơ hội đi làm thông dịch cho những người mới đến từ tiếng Việt sang tiếng Đức và ngược lại, mặc dầu mới học tiếng Đức chỉ hơn có một năm. Điều này cũng giống như năm 1975, khi nhóm của Giáo Sư Lê Kim Ngân, vốn là Viện Trưởng Viện Đại Học Phương Đông của Việt Nam Quốc Tự đến tỵ nạn tại Nhật Bản thì tôi

cùng một số Anh Chị Em Sinh viên Việt Nam tại đó cũng đã đến trại tỵ nạn ở Tokyo để làm thông dịch từ tiếng Nhật sang Việt ngữ và ngược lại. Nhóm người đến Nhật sau năm 1975 đa phần họ đều muốn sang định cư tại các nước Úc, Mỹ hoặc Canada; chứ ít người muốn ở lại Nhật Bản vì lúc bấy giờ chính quyền Nhật chưa có chương trình giúp đỡ người tỵ nạn của Liên Hiệp Quốc đề xuất và mọi câu chuyện cũng đã bắt đầu từ những nhân duyên này.

7/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Chỉ một năm sau, tháng 4 năm 1978, Ngài thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác tại Hannover. Điều gì khiến Ngài quyết định xây dựng một đạo tràng Phật giáo Việt Nam giữa một đất nước Tây phương xa lạ vào thời điểm ấy?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Rõ ràng là lúc đó tôi chưa có chương trình gì hết, chỉ muốn tiếp tục việc học và xin tỵ nạn vì lý do tôn giáo mà thôi. Nhưng như trên đã trình bày, khi người tỵ nạn đến Tiểu bang Niedersachsen thì những việc như quan, hôn, tang, tế lại cần đến một nhà Sư, mà lúc đó duy nhất chỉ có một mình tôi là Tăng sĩ Việt Nam tại đây.

Còn những vị Tăng sĩ Đức thì tôi chưa có dịp tiếp xúc, ngoại trừ Hội Phật Giáo Liên Hữu Đức (Deutsche Buddhistische Union); tại Hannover lúc ấy cũng có một chi nhánh. Tôi tiếp xúc với họ bằng vốn tiếng Đức mới học được hơn một năm, cùng với tiếng Anh, để trình bày những chương trình mà mình dự định thực hiện.

Qua đài truyền hình và báo chí, người ta biết tôi là một nhà Sư Việt Nam đang giúp làm thông dịch viên tại bệnh viện ở Göttingen, gần chùa Viên Giác ngày nay. Rồi Bộ Nội vụ Cộng hòa Liên bang Đức để ý đến công việc này và có văn thư mời chúng tôi xuống Bonn, thủ đô tạm thời của Tây Đức trong thời kỳ nước Đức bị chia đôi Đông-Tây từ năm 1949.

Nhờ vậy, chúng tôi nhận được sự tài trợ của Chính phủ Đức suốt 25 năm, từ năm 1979 đến năm 2004, với một số tiền không nhỏ dành cho các hoạt động văn hóa và tôn giáo do tôi cùng Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam, cũng như Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức, chủ trương.

Nhờ những thuận duyên ấy mà cơ sở chùa Viên Giác dần dần được hình thành. Từ Kestnerstraße, chúng tôi dời về một cơ sở thuê tại Eichelkampstraße. Chính phủ Đức cũng tài trợ tiền thuê nhà, tiền điện, gas và nước trong vòng mười năm.

Đến năm 1991, khi chúng tôi chính thức dọn sang ngôi chùa mới xây dựng, Chính phủ chuyển sang giúp đỡ việc in ấn những sách do tôi viết, xuất bản báo Viên Giác v.v... Quả thật, mọi chuyện cứ từ đâu đưa tới, chính tôi cũng không ngờ.

Nếu lúc bấy giờ tôi đề nghị với ông Dr. Geissler ở Bộ Nội vụ Cộng hòa Liên bang Đức rằng nên xây một ngôi chùa cho người Việt Nam tỵ nạn cộng sản tại Hannover, chắc họ cũng sẽ làm; nhưng lúc ấy tôi chẳng nghĩ ra được việc này. Vì hằng tháng, hằng năm, Chính phủ Đức đã giúp cho chùa quá nhiều rồi.

Đôi khi cánh cửa từ bi cũng cần phải khép lại trước những nhu cầu không cần thiết; và cánh cửa mong cầu quá mức cũng nên được đóng lại chăng? Nhưng trên thực tế, vào lúc đó tôi đã chẳng hề nghĩ đến việc này.

8/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Từ một Niệm Phật Đường nhỏ năm 1978, Chùa Viên Giác được khởi công năm 1989 và hoàn thành năm 1993, trở thành một trung tâm Phật giáo và văn hóa Việt Nam quan trọng tại Âu Châu. Trong hành trình ấy, giai đoạn nào khó khăn nhất và kỷ niệm nào khiến Ngài xúc động nhất?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Tôi thuở ấy chưa có ý định lập chùa; nhưng Anh Nha Sĩ Tô Vĩnh Hòa, rồi Anh Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu, chị Tiến Sĩ Nguyễn Thị Hạnh v.v...là những người đốc thúc tôi thực hiện việc này; trong lúc đó thì tiền tích lũy chẳng có bao nhiêu, ngoại trừ tiền cúng dường khá khiêm nhường của các Phật Tử mới đến xin tỵ nạn tại Đức; còn mấy Anh Em Sinh Viên du học trước 1975 thì mới ra trường; nên việc đóng góp công sức có thừa; nhưng tiền bạc cũng vẫn còn giới hạn. Thế rồi người hiền kẻ này, kẻ hiền kẻ khác. Do vậy tôi không thể ngồi yên được mà phải đi tìm đất cho Anh Kiến Trúc Sư. Muốn mua chừng 4.000 m2 thửa đó làm sao có đủ tiền thì chị Hạnh đề nghị rằng: Thầy nên phân

chia ra cho Phật Tử mỗi người cúng mỗi mét vuông; mỗi gia đình một hay nhiều mét vuông. Mỗi mét trị giá lúc đó là 135DM. Thế là chừng 3 đến 4 tháng sau chúng tôi đủ tiền để tạo mãi mảnh đất 4.000 m² nằm ngay đối diện bên lề đường của hãng Bê tông Union.

Anh Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu lúc ấy bắt đầu vẽ kiểu chùa và chúng tôi bắt đầu lo việc xin phép xây cất. Ban đầu dự tính tốn chừng 3.000.000,00DM; nhưng sau 4 năm xây cất(1989-1993) phí tổn tất cả là 9.000.000,00DM tương đương với 5.000.000,00USD lúc bấy giờ. Sau này có nhiều người hỏi tôi rằng: Tiền ở đâu ra vậy? Làm sao Thầy nghĩ được chương trình vận động như thế v.v...thì tôi trả lời rằng: “Tiền từ cái chuông và cái mõ. Nếu đánh chuông mõ đều, sẽ có thiên thần hộ pháp gọi người hữu tâm mang tịnh tài đến chùa cúng dường và tôi xây chùa này bằng cái tâm trước; chứ không bắt đầu bằng tiền trước”. Chính cái tâm muốn xây chùa của các Phật Tử; nên tôi mới bắt đầu và tất cả những kế hoạch vận động xây chùa ấy tôi đều học theo cách của Hòa Thượng Thích Minh Tâm nào là cúng dường xây chùa, hội thiện không lời xây chùa, một viên gạch xây chùa, một viên ngói lợp chùa v.v...từ đó mọi việc đã thành tựu viên mãn là vậy.

Chuyện vui chuyện lo thì cũng có; nhưng chuyện mắc cỡ khi đi lạc quyền chắc là không có. Ví dụ như khi chúng tôi vào tiệm Nhật để quyền tiền, cúi chào mỗi cổ; nhưng khi đưa sổ ra, họ viết vào đó 1 DM cúng dường. Có một lúc Thầy trò vào nhà hàng người Hoa để xin tiền thì người chủ bảo rằng: “Ông ta không tin Phật, không tin Chúa, chỉ có tin vào đồng tiền”. Chúng tôi cúi chào và ra đi. Cũng vui thôi và không biết người chủ ấy bây giờ có còn sống không và nếu có chết đi thì Ông ta đã mang theo được gì, hay cũng chỉ là hai bàn tay trắng?

Có một hôm chúng tôi đến vận động các nhà hàng người Thái Lan. Họ rất ân cần và cúng dường không phải chỉ một người mà họ kêu hết nhân viên của họ hùn phước vào để cúng chung; không những thế mà còn cho thêm địa chỉ của những người Thái làm việc gần đó nữa để chúng tôi đi vận động. Đi làm sao chẳng biết bị lạc vào chốn lầu xanh của Chị Em đang bán mình nuôi miệng. Tôi ngồi chờ đợi khá lâu trong xe hơi; trong khi Sư Cô Hạnh Ngọc và Sư Cô Hạnh Như bước lên lầu để quyền tiền lập chùa. Lúc ấy lỡ có người Việt Nam nào đó đi ngang qua đây thấy tôi đang ngồi trong xe hơi chờ, trước chốn bình khang này sẽ chụp được tấm hình này và họ sẽ có cái cớ là Ông Thầy Như Điền không đứng đắn; nhưng họ đâu có biết rằng tôi đang chờ hai Sư Cô trở lại với mong đợi chẳng nhiều về việc cúng dường, hơn là sự khó chịu khi ngồi cả hơn một tiếng đồng hồ tại đây. Quý Cô bước vào xe trao cho tôi tiền cúng dường của những người Thái bán thân nuôi miệng với những vết son còn đọng lại trên những trang giấy ghi số tiền hùn phước xây chùa...tôi vô cùng cảm động và biết ơn tất cả mọi người; trong đó có cả những Cô gái Thái Lan hôm đó. Bây giờ thì chính phủ Hannover hình như đã dẹp khu này rồi và hai Sư Cô cũng đã về với Phật mấy năm nay. Không biết khi gặp Phật và các vị Bồ Tát hỏi thì các Cô sẽ tường thuật lại như thế nào đây?

9/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Chùa Viên Giác không chỉ phục vụ người Việt mà còn có rất nhiều người Đức tìm đến học Phật, thiền tập và nghiên cứu giáo lý. Theo Ngài, muốn truyền bá Phật pháp vào xã hội Tây phương thì điều gì cần được giữ nguyên và điều gì cần được phương tiện hóa để phù hợp với văn hóa bản địa?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điền: Hòa thượng Thích Nhất Hạnh rất thành công với người Tây phương qua Thiền Chánh Niệm với ngôn ngữ dễ hiểu của Ngài khi thuyết giảng cho người Tây phương; còn tôi có khác chút đỉnh. Quan niệm của tôi là: “Giấy rách phải giữ lấy lề.”

Chúng ta đa phần theo truyền thống Đại Thừa và pháp môn niệm Phật là chính. Cho nên dù có hiện đại hóa để thích hợp với hoàn cảnh mới, tôi vẫn nghĩ cái căn bản của mình phải giữ. Khi người Đức đến học Phật, tôi vẫn cho họ ngồi thiền theo lối quán sổ tức; khi đã thuần thục một tí thì bắt đầu cho họ niệm Phật và tụng Kinh. Thỉnh thoảng chúng tôi tổ chức những khóa học Kinh Dược Sư, Kinh Di Đà, Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Đức, mỗi tuần một hay hai lần.

Sau này tôi bận nhiều Phật sự các nơi thì giao việc này cho quý Thầy Trụ trì như Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Giới, Thầy Hạnh Bồn, Thầy Hạnh Định... Ngoài ra, tôi cũng nhờ Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp và Thiện Tâm Hugo lo cho các lớp học sinh, sinh viên Đức thường xuyên trong mấy chục năm nay. Nhờ vậy người Đức càng ngày càng thâm nhập Phật giáo không ít. Bằng chứng là họ biết niệm Phật, ngồi thiền và nghiên cứu Kinh sách Phật giáo bằng chính ngôn ngữ của họ.

Năm 1977, khi tôi đến Đức, Phật giáo Việt Nam nơi đây hầu như chưa có cơ sở sinh hoạt. Đến năm 1978, Niệm Phật Đường Viên Giác được thành lập tại Hannover. Ngày nay, sau gần 50 năm, trên toàn nước Đức đã có khoảng 30 ngôi chùa Phật giáo Việt Nam, với đông đảo Tăng Ni, Phật tử và các đơn vị Gia Đình Phật Tử sinh hoạt cùng nhau trong tinh thần lục hòa. Nhìn lại chặng đường ấy mới thấy Phật giáo Việt Nam ở Đức đã đi được một đoạn đường khá dài.

Chùa Viên Giác trước sau vẫn là một ngôi chùa theo truyền thống, sinh hoạt căn bản cũng như các tự viện ở Á Đông. Nhưng vì ngôi chùa hiện diện trên nước Đức, một quốc gia có truyền thống văn hóa và tôn giáo lâu đời, nên chúng ta cũng phải biết thích nghi và vươn lên để có được những phương tiện và sinh hoạt phù hợp với các trung tâm tu học, tôn giáo và tâm linh tại châu Âu. Viên Giác cũng tham gia những sinh hoạt liên tôn, hòa hợp tôn giáo tại Đức; qua đó chia sẻ nếp sống tinh thức, tinh thần hòa hợp cộng đồng và ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Tờ Tạp chí Viên Giác (Viên Giác Magazin) cũng là một phương tiện như vậy. Tạp chí đã xuất bản định kỳ, liên tục gần 50 năm nay. Ngoài việc phổ biến giáo lý của Đức Phật, tờ báo còn góp phần duy trì tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho các thế hệ người Việt ở hải ngoại. Đây cũng là một cách hoằng pháp hữu hiệu.

Tôi còn nhớ năm 1977, muốn tìm mua một miếng đậu hũ phải đi chừng 150 cây số từ Hannover đến Hamburg mới có. Bây giờ, sau gần 50 năm, theo thống kê của ngành thực phẩm Đức, đã có khoảng ba triệu người Đức ăn thuần chay và chừng ba đến bốn triệu người không dùng thịt cá. Dĩ nhiên trong số này không phải tất cả đều là Phật tử, nhưng những quan niệm về không sát sinh, bảo vệ môi trường, sống gần gũi với thiên nhiên và lòng từ bi của đạo Phật đã trở nên dễ cảm thông hơn trong xã hội Tây phương.

Cho nên, theo tôi, điều nên giữ nguyên là cái căn bản của sự tu học, công phu kinh kệ hằng ngày và truyền thống của mình. Điều cần phương tiện hóa là cách trình bày, ngôn ngữ và cách tiếp cận để đạo Phật đi vào lòng người Đức một cách tự nhiên. Quan trọng nhất vẫn là sự hài hòa, thân thiện, lòng từ bi và trí tuệ của đạo Phật. Muốn làm được như vậy, chúng ta phải rành rẽ ngôn ngữ địa phương, mà tiếng Đức lại là một trong những ngôn ngữ khó nhất nhì thế giới.

10/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Sau gần nửa thế kỷ hoằng pháp tại Đức, Ngài nhìn thấy cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu đã thay đổi như thế nào từ thế hệ người Việt tỵ nạn đầu tiên đến thế hệ thứ hai, thứ ba sinh trưởng tại phương Tây?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Thế hệ thứ nhất của người Việt tỵ nạn là thế hệ hy sinh cho thế hệ thứ hai. Nếu những người thuộc thế hệ thứ nhất đã được giáo dục cao tại Việt Nam, như Bác sĩ, Kỹ sư, và thông thạo ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức, thì họ có thể ghi danh tiếp tục ngành nghề của mình; và số người thành công tại hải ngoại cũng không ít.

Nếu không có những điều kiện ấy, họ phải đi tìm những công việc chân tay để kiếm sống qua ngày và nuôi dưỡng thế hệ thứ hai sinh ra, lớn lên tại đây.

Thế hệ thứ hai rất giỏi các ngôn ngữ địa phương; nhưng đối với tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ thì đa phần chỉ biết nói, ít có em biết đọc và viết. Thế hệ này rất thành công trong học đường cũng như ở nhiều lãnh vực khác trong các xã hội Tây phương ngày nay. Qua những luận án Tiến sĩ, luận văn Cao học nghiên cứu về những đề tài liên quan, chúng ta thấy có nhiều công trình rất có giá trị.

Nhưng đến thế hệ thứ ba thì lại là một vấn đề lớn. Khi Cha Mẹ chúng đã thành công ở nhiều lãnh vực trong cuộc đời, thế hệ thứ ba này đôi khi có khuynh hướng ỷ lại vào sự thành công của Cha Mẹ. Một số không tiếp tục con đường học vấn mà chọn học nghề để sớm kiếm tiền; và ngôn ngữ mẹ đẻ giờ đây lại càng trở nên xa lạ đối với chúng.

Nhờ vào những sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức nói riêng và trên thế giới nói chung, chúng ta còn níu giữ được một phần nào hình ảnh quê hương Việt Nam nơi xứ người. Khi chuyển sang thế hệ thứ tư thì hoàn cảnh chắc chắn lại còn khác hơn nữa.

Chỉ mong rằng những thế hệ về sau này sẽ tự tìm hiểu về nguồn gốc của mình; điều đó có lẽ dễ dàng và bền vững hơn là chúng ta bắt buộc chúng.

Ví dụ, Hoàng tử Lý Long Tường đã cùng đoàn người rời Đại Việt vì hoàn cảnh chính trị đương thời. Sau hơn bảy thế kỷ, ngày nay vẫn có những hậu duệ họ Lý tìm về cội nguồn dân tộc Việt Nam. Đây là một minh chứng có thật.

Hay như trong lịch sử, khi Nguyễn Ánh, về sau là Vua Gia Long, phải lánh nạn sang Xiêm trong thời kỳ chiến tranh với Tây Sơn, những cộng đồng người Việt hình thành nơi xứ người rồi qua nhiều thế hệ vẫn có thể tìm lại nguồn gốc của mình. Do vậy, chúng ta không có gì để thất vọng cả.

III/ HOÀNG PHÁP, GIÁO DỤC và PHIÊN DỊCH TAM TANG

11/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Từ năm 2004 đến 2019, trong suốt 15 năm, Ngài đã hướng dẫn các phái đoàn hoàng pháp đi nhiều quốc gia ở Âu Châu, Hoa Kỳ, Canada và các châu lục khác. Qua những chuyến đi ấy, Ngài nhận thấy nhu cầu Phật pháp của người Việt hải ngoại khác với Phật tử trong nước như thế nào?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Ở Việt Nam chúng ta, trước và sau năm 1975, hầu như làng nào cũng có một ngôi chùa, và chùa nào cũng có Thầy hay các Sư Cô ở đó để lo những việc như: quan, hôn, tang, tế.

Chỉ khác với ngoại quốc một điều là người Phật tử trong nước lúc nào cũng có thể đi chùa, và ở đâu cũng có thể vào lễ bái, thăm hỏi chư Tăng, Ni. Còn ở ngoại quốc này, từ năm 1975 đến nay, thế hệ đầu tiên đến Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu phải lo kiến tạo chùa chiền, xây dựng Tam Bảo; và nhất là phải vun đắp niềm tin của tín đồ.

Do vậy, những khóa tu học Phật pháp tại các châu dần dần được hình thành. Những khóa tu Bát Quan Trai, những buổi thính pháp vào cuối tuần dành cho Phật tử xa quê là một nhu cầu rất thiết thực.

Vì thế, chúng tôi thường tổ chức những Phái Đoàn Hoàng Pháp Âu, Mỹ, Úc đi đến nhiều nơi để giảng pháp, và rất được chư Tăng Ni cũng như Phật tử các nơi nhiệt tình hỗ trợ.

Ngày nay lại có thêm những phương tiện truyền bá Phật pháp qua hệ thống Zoom hoặc các chương trình học Phật trực tuyến (online). Đây là những phương tiện rất đáng khích lệ, không những cho hiện tại mà cả trong tương lai.

12/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Ngài từng giữ nhiều trọng trách trong Giáo Hội, đặc biệt trong lĩnh vực hoàng pháp. Theo Ngài, trong thời đại Internet, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo, người làm công tác hoàng pháp cần thay đổi phương pháp như thế nào mà vẫn giữ được Chánh kiến và tinh thần khế lý&khế cơ?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Người Nhật có câu tục ngữ là: “Gō ni ireba, gō ni shitagae - 郷に入れば郷に従え. Nghĩa là: “Vào một xứ thì hãy tùy thuận theo xứ ấy.”; nghĩa tương đương tiếng Việt: “Nhập gia tùy tục.” Chúng ta đọc kinh sách cũng biết rằng, sau khi độ cho sáu mươi vị đệ tử A-la-hán đầu tiên, Đức Phật khuyên mỗi vị nên đi về một hướng để hoằng truyền Chánh pháp. Tinh thần ấy cho thấy việc hoằng pháp phải biết tùy theo căn cơ, hoàn cảnh, phong tục và ngôn ngữ của từng địa phương mà phương tiện giáo hóa.

Trong Phật môn thường có câu: “Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp”, nghĩa là lấy việc hoằng truyền Chánh pháp làm việc nhà, lấy việc lợi lạc chúng sanh làm sự nghiệp. Đây là một câu được lưu truyền rộng rãi trong Phật giáo về sau, chứ không nên ghi trực tiếp là lời nguyên văn của Đức Phật.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIV cũng nhiều lần nhấn mạnh rằng thế giới luôn thay đổi và con người cần biết thích ứng với những biến chuyển của thời đại. Ngài cũng từng nêu rõ rằng, nếu khoa học chứng minh một quan niệm nào đó của Phật giáo là không đúng thì Phật giáo cần phải thay đổi quan niệm ấy.

Nếu chúng ta không biết thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh thì sẽ dễ trở nên lạc hậu. Do vậy, việc hoằng pháp luôn cần phải khéo lý và khéo cơ.

Ngày nay, AI (Artificial Intelligence, Trí tuệ nhân tạo) đã trở thành một thành tựu quan trọng của con người trong thế kỷ XXI. Vì vậy, trong công cuộc hoằng pháp, chúng ta cũng nên biết vận dụng những phương tiện thích hợp của thời đại như Internet, giảng pháp trực tuyến (online), hệ thống Zoom, trí tuệ nhân tạo v.v... để truyền bá Chánh pháp. Tất nhiên, phương tiện có thể thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh, nhưng nội dung Chánh pháp và mục đích lợi sanh thì vẫn phải được giữ gìn. Đó cũng chính là tinh thần khéo lý, khéo cơ và khéo thời trong công cuộc hoằng pháp ngày nay.

13/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Đến năm 2026, Ngài đã có 75 tác phẩm sáng tác và phiên dịch, sử dụng nhiều ngôn ngữ như Việt, Hán, Nhật, Anh và Đức. Điều gì đã giúp Ngài duy trì sức làm việc và sự kiên trì trong công tác trước tác, dịch thuật suốt hơn nửa thế kỷ?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Năm 1974, khi còn học Phân khoa Giáo dục tại Đại học Teikyo (Đế Kinh) ở Hachioji, gần Tokyo, Thầy giáo Nhật ngữ Takeda đã khuyên tôi nên dịch những tác phẩm hay bằng Việt ngữ sang tiếng Nhật để Thầy chấm khả năng Nhật ngữ của tôi, thay cho môn Quốc văn.

Thế là tôi chọn quyển Truyện Cổ Việt Nam của tác giả Nguyễn Đồng Chi để dịch ra Nhật ngữ. Suốt năm thứ hai ấy ở Đại học, tôi đã làm xong bốn phần của mình và mang bản dịch về chùa khoe với Hòa Thượng Oikawa, Trụ trì chùa Bồn Lập ở Hachioji, mong Ngài viết lời giới thiệu để tôi có thể in tác phẩm đầu đời của mình.

Đến năm thứ ba, tôi có dịch phẩm thứ hai, gồm những phần trích đoạn. Mãi đến năm 1979, khi đến chùa Khánh Anh ở Paris giúp coi chùa cho Hòa Thượng Thích Minh Tâm, tôi bắt đầu viết quyển Giọt Mưa Đầu Hạ và nhờ Hòa Thượng viết lời giới thiệu. Kể từ đó trở đi, mỗi năm tôi đều viết hoặc dịch một quyển sách.

Đặc biệt, từ năm 2003 đến năm 2012, trong suốt 10 năm nhập thất trên núi đồi Đa Bảo ở Campbelltown và vùng Blue Mountains gần Sydney, mỗi năm tôi dịch hoặc viết được hai tác phẩm. Cho đến năm 2026 này, tôi đã hoàn thành 75 tác phẩm bằng các ngôn ngữ như: Việt, Anh, Hán, Nhật và Đức ngữ.

Lẽ ra tôi phải dịch cả tiếng Pháp nữa, vì tiếng Pháp là ngoại ngữ thứ nhất của tôi, đã học suốt bảy năm thời Trung học Đệ nhất và Đệ nhị cấp. Nhưng vì đã lâu ít sử dụng nên phải ôn lại mới có thể dịch được.

Tôi giống như con kiến, mỗi ngày tha một chút thực phẩm vào hang để dành. Thế mà đã hơn 50 năm dịch và viết, kể cũng lạ. Bởi vì những gì tôi thực hiện, tôi không có ý mong cầu gì cả. Ai khen cũng thế mà ai chê cũng xong. Như con tằm, cứ nhả tơ là được rồi.

Bồn phận và trách nhiệm đối với Giáo Hội cũng vậy, không ai giao cho mình cả; nhưng nếu mình đã can đảm nhận nhiệm vụ thì phải thực hiện.

Giống như tờ báo Viên Giác, Thượng Tọa cũng đã biết đó: số đầu tiên được xuất bản vào ngày 1 tháng 1 năm 1979. Mãi cho đến bây giờ, sau gần nửa thế kỷ, mỗi năm báo ra sáu số và chưa bao giờ trễ nải một số nào. Đến nay đã là số 274 rồi.

Chưa biết Viên Giác sẽ dừng lại khi nào; nhưng còn hơi thở, còn thời gian và còn sức khỏe thì cứ viết, cứ dịch vậy.

Tôi thường hay bảo rằng:

“Mỗi người trong chúng ta, ai ai mỗi ngày cũng chỉ có 24 tiếng đồng hồ mà thôi! Từ đứa bé còn nằm trong nôi đến bà nội trợ, người nông phu, ông Thầy dạy học, vị Tăng sĩ, ông Kiến trúc sư, bà Bác sĩ v.v... tất cả

chúng ta đều bình đẳng trước thời gian: mỗi ngày chỉ có 24 tiếng đồng hồ. Vậy chúng ta nên tận dụng thời gian để làm việc và không nên lợi dụng người khác.”

Đây là phương châm làm việc mà tôi đều đặn thực hành hằng ngày; nhờ vậy mới có được những kết quả như trên.

14/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Hiện nay, được sự tin tưởng và trao phó từ cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Ngài nhận đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch Ủy ban Phiên dịch Trung ương. Xin Ngài cho biết vì sao công trình phiên dịch kinh điển sang tiếng Việt lại có ý nghĩa đặc biệt đối với tương lai của Phật giáo Việt Nam?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Trước khi có nhân duyên trao đổi với Ngài Tuệ Sỹ, tôi đã nhiều lần tiếp xúc với Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, người chủ trương phiên dịch Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh ra Việt ngữ. Bộ Đại Tạng Kinh này được dịch thẳng từ Taishō Shinshū Daizōkyō (Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh), từ tập thứ nhất đến giữa tập thứ 54, và trở thành tất cả 203 tập tiếng Việt.

Tôi say mê đọc bộ Đại Tạng Kinh này từ những năm nhập thất tại núi đồi Đa Bảo ở Úc. Cho đến hôm nay, tôi đã đọc xong 61 tập đầu và 15 tập sau cùng thuộc Sử Truyện Bộ và Sự Vững của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh. Nếu là văn xuôi, mỗi ngày từ sáng đến tối tôi đọc chừng 100 trang; nếu là văn vần, mỗi ngày tôi có thể đọc được khoảng 200 trang. Nhờ vậy mà tôi ngày càng mãi mê đi vào kho tàng Đại Tạng Kinh.

Đến năm 2021, khi Hòa Thượng Tuệ Sỹ đang chữa bệnh tại Nhật Bản, Ngài đã gọi điện thoại từ Nhật sang Đức cho tôi và mong tôi cộng tác với Ngài, cũng như đảm nhận nhiệm vụ liên lạc với các châu trên thế giới, vì Ngài biết tôi có những mối liên hệ mật thiết và rộng rãi với nhiều nơi.

Ngài hẹn đến kỳ Đại hội năm 2022 để thành lập Hội Đồng Hoàng Pháp, và tôi đã đảm nhận nhiệm vụ Chánh Thư ký do Hòa Thượng Tuệ Sỹ đề nghị. Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu và Hòa Thượng Thích Bôn Đạt làm Phó Thư ký.

Đến năm sau, trong kỳ Đại hội Hoàng Pháp, Ngài cũng dự báo rằng mình chắc không còn tại thế được bao lâu, nên đã cử tôi thay Ngài làm Chủ tịch Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương, để tiếp nối con đường mà Ngài đã vạch sẵn. Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu làm Phó Chủ tịch Hải ngoại và Hòa Thượng Thích Thái Hòa làm Chánh Thư ký trong nước của Ủy Ban này.

Khi nhận nhiệm vụ Chủ tịch Ủy Ban Phiên Dịch, tôi có thưa với Ngài rằng: “Con không biết các cổ ngữ như Sanskrit, Pāli, Tây Tạng; chỉ biết một số ngôn ngữ Tây phương như Anh, Pháp, Đức mà thôi.” Ngài trả lời: “Thầy đừng lo, việc ấy có người khác lo.”

Đến ngày 24 tháng 11 năm 2023, trong khi Phái Đoàn Hoàng Pháp của chúng tôi đang ở chùa Đại Nam tại Himeji, Nhật Bản, thì nghe tin Ngài viên tịch. Thế là trọng trách của chúng tôi lại càng nặng hơn nữa.

Khi Ngài còn sinh tiền, Ban Phiên Dịch Thanh Văn Tạng đã ấn hành được 24 tập và 5 tập Tổng Lục. Đến lễ Tiểu Tường của Ngài năm 2024, Ban Ấn Hành cho ra đời thêm 8 tập.

Năm 2025, dự định ban đầu là in thêm 4 hoặc 6 tập nữa; nhưng cuối cùng chúng tôi quyết định rằng số lượng của cả hai năm 2025 và 2026 sẽ được nâng lên, dự kiến ấn hành trên 10 tập nữa, để tưởng niệm ngày viên tịch của Ngài vào tháng 11 năm 2026.

Ban Phiên Dịch và Ban Chuyết Văn vẫn tiếp tục làm việc, nhưng cũng sẽ có thêm một số thay đổi để thích ứng với điều kiện và hoàn cảnh hiện tại.

Người Việt Phật Tử bây giờ muốn đọc Kinh sách bằng Việt ngữ và tốt nhất là nên dịch thẳng từ tiếng Sanskrit, Pāli hay Tây Tạng v.v... sang Việt ngữ, có như vậy thì độ chính xác sẽ cao hơn là dịch qua một ngôn ngữ khác như Hán hay Anh văn, rồi từ đó dịch sang Việt ngữ thì độ chính xác sẽ giảm đi và Học Viện

Phật Giáo Viên Giác sẽ ra đời sau khi hoàn thành việc xây dựng vào năm 2029 sẽ cung ứng cho việc này để đào tạo và tiếp nối sứ mạng cho việc hình thành Bồ Tát Tạng và Mật Tạng; nếu chúng ta còn sống đến đó.

15/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Phiên dịch kinh điển không đơn thuần là chuyển đổi ngôn ngữ mà còn liên quan đến giáo nghĩa, văn hóa và sự chính xác của thuật ngữ Phật học. Theo Ngài, phẩm chất quan trọng nhất của một dịch giả Phật học là gì?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Dĩ nhiên, người làm công việc phiên dịch phải thông thạo ngoại ngữ, và nhất là phải quán triệt những thuật ngữ Phật học; nếu không thì khó có thể dịch chính xác những câu như: “Tam Thừa, Tứ quả, Giải thoát Tăng...”

Ngoài ra, người dịch cần được đào tạo qua những trường lớp Phật học ở Việt Nam cũng như ở ngoại quốc thì mới mong có thể đảm đương công việc phiên dịch này một cách suôn sẻ.

Ví dụ, trong nước, ngoài Hòa Thượng Thích Đức Thắng ra, còn có Thượng Tọa Thích Nhuận Châu, Thượng Tọa Thích Nguyên Hiền, Thượng Tọa Thích Chúc Hiền, Thượng Tọa Thích Nguyên Thịnh, Thượng Tọa Thích Nguyên An, Thầy Nhuận Thịnh, Thầy Nhuận An, Cô Liên Hội.

Bên Ban Chuyết Văn có Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Thượng Tọa Thích Như Tú, anh Tâm Quang, anh Tâm Huy v.v... Người xem lại lần cuối trước khi dàn trang là Hòa Thượng Thích Thái Hòa.

Có rất nhiều công đoạn để hoàn thành một kinh văn, một tập Kinh, Luật hay Luận. Người đọc chúng ta hôm nay chỉ cần nâng quyển kinh lên với lòng cung kính để đọc và hành trì thì cũng đã là một phước báu rất lớn rồi.

16/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Trước sự phát triển rất nhanh của trí tuệ nhân tạo và các công cụ dịch thuật tự động, Ngài nhận định thế nào về khả năng sử dụng AI trong việc phiên dịch, đối chiếu và số hóa Đại Tạng Kinh? Đây là những việc AI có thể hỗ trợ và đâu là phần nhất thiết phải do các bậc học giả, hành giả và chư Tăng Ni thẩm định?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Năm 2026 này, tôi bắt đầu nhờ AI (Trí tuệ nhân tạo) hỗ trợ dịch tác phẩm thứ 75 của tôi, nhan đề: Bối Cảnh Sự Hình Thành Giáo Hạnh Tín Chứng của Thân Loan Thánh Nhơn. Tác phẩm dày khoảng 150 trang; nếu để AI dịch từ đầu đến cuối thì chừng 10 phút là xong. Nhưng sau đó, tôi phải mất đến 10 ngày để xem lại, mỗi ngày từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ.

Theo kinh nghiệm của tôi, độ chính xác trong bản dịch của AI chỉ vào khoảng 80%. Chính con người phải điều khiển AI, chứ không nên hoàn toàn ủy thác cho AI; nếu quá tin tưởng vào AI thì chúng ta rất dễ bị sai lầm.

Dĩ nhiên, khi chúng ta ra lệnh cho AI phải dịch như thế nào thì AI sẽ thực hiện theo yêu cầu của mình. Nhưng đối với Đại Tạng Kinh, nếu từ chữ Hán mà hoàn toàn dựa vào AI để dịch sang Việt ngữ, thì người làm công tác chuyết văn sau đó cũng phải tốn rất nhiều công sức để rà soát, đối chiếu thật kỹ, gần như chính mình trực tiếp dịch lại.

Do vậy, dịch giả không thể hoàn toàn ủy thác cho AI trong việc phiên dịch Đại Tạng Kinh.

Cách đây chừng mấy tháng, trong một phiên họp của Ban Phiên Dịch Đại Tạng, chúng tôi cũng đã đưa vấn đề này ra thảo luận; nhưng đa phần các dịch sư đều không tán thành việc giao cho AI dịch, mà vẫn muốn tiếp tục theo phương pháp truyền thống để bảo đảm tính chính xác.

Riêng việc số hóa kinh sách đã phiên dịch để đưa lên các trang mạng, tương tự như công trình CBETA ở Đài Loan, thì Ban Điều Hợp hiện đang nghiên cứu và thảo luận. Nếu thực hiện được, công trình này sẽ giúp các học giả và người nghiên cứu tra cứu, đối chiếu và trích dẫn kinh điển một cách thuận tiện hơn.

Việc này hiện đang được tiến hành, và hy vọng trong thời gian không xa sẽ có kết quả tốt đẹp.

IV/ HỘI ĐỒNG TĂNG GIÀ THẾ GIỚI: 60 NĂM KẾT NỐI TĂNG GIÀ NĂM CHÂU

17/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Năm 1991, Chùa Viên Giác Hannover từng là tổ chức Đại hội Tăng già Phật giáo thế giới kỳ 5 khóa I, và chính Ngài đã có tác phẩm tường thuật sự kiện này vào năm 1993. Xin Ngài kể lại nhân duyên nào đưa bản thân Ngài và Chùa Viên Giác đến với sinh hoạt của Hội Đồng Tăng

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Khoảng năm 1989, tôi đã trở thành hội viên chính thức của tổ chức này qua sự giới thiệu của Hòa Thượng Thích Thiện Định và Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Năm 1989, tôi được tham dự Đại Hội Đại Biểu Hội Đồng Tăng Già Thế Giới kỳ V tại Taipei, Đài Bắc.

Lúc ấy, chùa Viên Giác tại Hannover đang xây dựng và dự định năm 1991 sẽ khánh thành đợt đầu. Vì vậy, Hòa Thượng Thích Thiện Định đốc thúc tôi nên đứng ra nhận lãnh trách nhiệm tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành của WBSC, Khoáng Đại V, kỳ I, và tôi đã nhận lời ngay. Tôi nghĩ rằng đây là lần đầu tiên một kỳ họp Ban Chấp Hành được tổ chức tại Âu Châu.

Trong phiên họp nội bộ lúc ấy, Ngài U Ming (Ngô Minh) làm Chủ tịch. Đa phần những vị người Hoa và người Đại Hàn đều hiểu tiếng Nhật, nên tôi đã trình bày bằng Nhật ngữ nguyện vọng của mình là sẽ đứng ra tổ chức. Phiên họp hôm đó đã quyết định tổ chức kỳ họp Ban Chấp Hành tại Hannover từ ngày 13 đến ngày 17 tháng 4 năm 1991.

Thật ra, lúc ấy chùa vẫn chưa xây xong. Lễ khai mạc diễn ra vào ngày 13 tháng 4 năm 1991, với sự tham dự của chư Tôn Đức Việt Nam là thành viên của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới; hầu như tất cả các Ngài đều đến dự. Có thể kể như: Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Trưởng lão Hòa Thượng Thích Thiện Định, Trưởng lão Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Trưởng lão Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Trưởng lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm, cùng đại diện của 18 quốc gia trên thế giới lần lượt về phó hội.

Khi nhận trách nhiệm tổ chức vào thời điểm ấy, tôi chưa lường được việc kỳ Đại hội lại trùng ngay vào những ngày thành phố Hannover tổ chức Messe (Hội Chợ) lớn, nên không thuê được khách sạn nào ở gần chùa Viên Giác. Cuối cùng, chúng tôi phải đi đến vùng Clausthal-Zellerfeld mới có thể thuê được khách sạn. Do vậy, việc vận chuyển và cơm nước hoàn toàn không đơn giản chút nào.

Tôi nhớ rằng lễ khai mạc đã diễn ra tại Chánh điện của chùa Viên Giác mới. Bữa trưa hôm đó do nhà hàng của Phật tử Lý Chấn Lợi ở Berkhof khoản đãi; buổi tối, nhà hàng Hoa Nam của anh Minh Thiện Lý Quốc Lương ở Hannover khoản đãi. Sau khi dự buổi văn nghệ do Thầy Minh Quang điều khiển, tất cả các phái đoàn đều lên xe trở về khách sạn, cách chùa hơn một tiếng đồng hồ.

Đây là những kỷ niệm nhớ đời mà tôi không bao giờ quên, mặc dầu sự việc đã xảy ra cách đây 35 năm rồi.

Ngoài ra, còn mấy việc quan trọng tôi cũng xin kể luôn. Vào buổi chiều ngày 13 tháng 4 năm 1991, tại Chánh điện cũ chùa Viên Giác, phiên họp khoáng đại đầu tiên được Ngài Ngô Minh khai mạc. Ngài nói bằng tiếng Hoa Đài Loan, do ông Đặng dịch sang Anh văn, với ý chính như sau: “Xin cảm ơn chư Tôn Đức Tăng Ni khắp thế giới lần đầu tiên đến Âu Châu tham dự Đại Hội Ban Chấp Hành kỳ I của Khoáng Đại V. Đặc biệt, có Trưởng lão Thích Tâm Châu, người đã cùng tôi và Ngài Giác Quang đồng sáng lập Hội Đồng Tăng Già Thế Giới vào năm 1966 tại Colombo, Tích Lan, nay cũng đang ngồi đây. Đến năm 1969, Đại Hội Khoáng Đại lần thứ II được tổ chức tại chùa Vĩnh Nghiêm ở Sài Gòn. Lúc đó có Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Nội các của ông tham dự lễ khai mạc nữa. Nhưng rất tiếc là những hình ảnh ấy nay không biết tìm đâu ra. Kính nhờ Trưởng lão Thích Tâm Châu tìm và cung cấp giúp cho Hội Đồng Tăng Già Thế Giới.”

Lúc đó, Hòa Thượng Thích Huyền Vi vốn là Tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ; Hòa Thượng Thích Thiện Định là Tiến sĩ tại Nhật Bản; và Hòa Thượng Thích Tâm Châu đều nhìn sang tôi, có ý bảo rằng: “Thầy Như Điển, hãy dịch lại phần tiếng Anh này cho Đại Hội nghe.” Đúng là tôi bị “bắt cóc bỏ đĩa”! Ngoài việc làm Trưởng Ban Tổ Chức kỳ này, tôi còn phải kiêm thêm vai trò thông dịch viên bất đắc dĩ nữa.

Hòa Thượng Thích Tâm Châu trả lời rằng: “Năm 1975, chúng tôi chạy loạn bán sống bán chết, đâu có ai mang theo được những tài liệu đó. Thôi, để tôi nhờ người khác tìm lại giúp.”

Thế mà sau đó, Ngài Tâm Châu đã nhờ người tìm lại khá đầy đủ những hình ảnh của Đại Hội Khoáng Đại lần thứ II tại Sài Gòn năm 1969 và đưa lên trang nhà của WBSC. Nếu ai tìm kiếm thì có thể nhận ra được việc này.

Một việc quan trọng khác là lúc ấy chúng tôi nhận được sự tài trợ tài chánh định kỳ hằng năm của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức. Vì vậy, trong kỳ Đại Hội Ban Chấp Hành năm 1991 tại Hannover, chính quyền cũng đã tài trợ các khoản di chuyển trong nước Đức cho các đại biểu tham dự Đại hội; đồng thời hỗ trợ việc ăn ở trong bốn ngày tại Hannover và Berlin. Có được sự hỗ trợ như vậy, tôi mới dám xin đứng ra tổ chức kỳ Đại hội lúc ấy, mặc dầu ngôi chùa Viên Giác thuở đó vẫn còn đang trong quá trình xây dựng và chưa chính thức khánh thành.

18/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Đến Đại hội Khoáng đại kỳ 10 tại Penang, Malaysia năm 2018, Ngài được cung thỉnh đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council). Ngài đón nhận trọng trách quốc tế này với tâm nguyện gì?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Cứ mỗi hai năm đều có Đại Hội Ban Chấp Hành, và cứ sau bốn năm lại có Đại Hội Khoáng Đại. Vì vậy, từ năm 1990 trở đi, hầu như không lần nào tôi khiếm diện.

Do đó, chư Tôn Đức các nơi đều biết tôi. Mỗi lần tham dự Đại hội, tôi đều có những bài phát biểu ngắn bằng Anh văn, được thông dịch sang Hoa văn, để trình bày về những công tác Phật sự tại Âu Châu; nhiều khi còn đề cập đến các hoạt động ở Úc Châu và Hoa Kỳ nữa.

Nhờ vậy, quý Ngài thương tưởng và đề nghị tôi đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới từ năm 2018. Lúc đó, Ngài Liễu Trung làm Chủ tịch. Đến năm 2019, văn bản chính thức được công bố tại Macau, và vị Phó Chủ tịch phụ trách Hoa văn đã trao chứng chỉ này cho chúng tôi.

Hầu như mỗi châu đều có một hoặc hai, đôi khi ba vị Phó Chủ tịch, kiêm nhiệm những nhiệm vụ khác nhau như Hoằng pháp, Giáo dục, Nghi lễ, Văn hóa v.v... và tôi đảm nhận phần trách nhiệm tại Âu Châu.

Bởi lẽ những vị Trưởng lão Hòa Thượng như Thích Huyền Vi, Thích Thiện Định, Thích Minh Lễ, Thích Minh Tâm đều không còn nữa, nên tôi phải tiếp nối và thay thế các Ngài trong phần trách nhiệm này. Đó cũng là một nhân duyên và trách nhiệm mà tôi không thể thoái thác.

19/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Qua nhiều thập niên tham gia các diễn đàn Tăng già quốc tế, Ngài nhận thấy Phật giáo Nam truyền, Bắc truyền và Kim Cang thừa có những điểm gặp gỡ căn bản nào có thể giúp Tăng già thế giới vượt qua khác biệt về truyền thống, ngôn ngữ và văn hóa?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Trên thế giới có hai tổ chức Phật giáo lớn quy tụ nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau. Đó là World Fellowship of Buddhists (WFB/ Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới). Trụ sở của tổ chức này đặt tại Bangkok, Thái Lan. Thành viên của tổ chức gồm cả giới xuất gia lẫn tại gia; đồng thời có nhiều vị Vua, Thái tử, Công chúa, Thủ tướng của các quốc gia Phật giáo tham gia và bảo trợ.

Trong khi đó, World Buddhist Sangha Council (WBSC/ Hội Đồng Tăng Già Thế Giới) chủ yếu quy tụ chư Tăng, Ni đến từ hơn 40 quốc gia trên thế giới, cùng hội họp theo tinh thần giới luật của Phật chế, gồm đầy đủ các truyền thống như Mahāyāna (Đại Thừa), Theravāda (Phật giáo Nam truyền) và Vajrayāna (Kim Cang Thừa). Thịnh thảo cũng có một số Cư sĩ tham gia, nhưng không thường xuyên. Phật giáo Nhật Bản hầu như không có mặt trong tổ chức này. Có lẽ họ quan niệm rằng Phật giáo Nhật Bản ngày nay không hoàn toàn mang hình thức Tăng đoàn theo truyền thống nguyên thủy, nhưng cũng không hoàn toàn thuộc giới cư sĩ; vì vậy họ thường tham gia vào những tổ chức Phật giáo quốc tế khác.

Mỗi lần Đại hội được tổ chức, ngôn ngữ chính thức thường được sử dụng là tiếng Anh và tiếng Hoa Quan thoại (Mandarin). Nếu Đại hội được tổ chức tại Việt Nam, Đức hoặc một quốc gia khác thì thường có thêm ngôn ngữ địa phương của nước đăng cai. Đây chính là cơ hội để chư Tôn Đức giáo phẩm từ nhiều quốc gia và truyền thống Phật giáo gặp gỡ, trao đổi với nhau về nhiều đề tài như môi trường, văn hóa, giáo dục, nhân

quyền, hòa bình v.v... Qua đó, Hội Đồng có thể nói lên tiếng nói chung của Phật giáo trước những vấn đề quan trọng của thế giới. Sau mỗi kỳ Đại hội thường có một bản tuyên cáo chung được công bố.

20/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Nhân dịp nhìn lại 60 năm (1966-2026) hình thành và phát triển của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, theo Ngài, tổ chức này đã đóng góp những gì quan trọng nhất cho sự đoàn kết Tăng già và công cuộc hoằng truyền Chánh pháp trên thế giới?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Nếu nói đến những thành quả cụ thể thì có Đại học Huyền Trang tại Đài Loan, được hình thành với sự đóng góp công sức và tinh tài của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, nhằm tạo nên một môi trường giáo dục Phật giáo lành mạnh cho những sinh viên Tăng Ni muốn đến học tập và nghiên cứu.

Ngoài ra, Hội Đồng còn thực hiện nhiều công tác từ thiện, cứu trợ những nơi trên thế giới gặp thiên tai, lũ lụt v.v...

Một phương diện quan trọng khác là công cuộc hoằng pháp trên khắp thế giới. Những vị Pháp sư thông thạo ngoại ngữ có thể đến nhiều quốc gia để tham dự các hội nghị, diễn đàn và chương trình hoằng pháp quốc tế. Đây là những môi trường rất thiết thực để giao lưu, học hỏi và góp phần hoằng truyền giáo pháp của Đức Như Lai đến với nhiều dân tộc và nền văn hóa khác nhau.

Và kể từ đây, Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng cũng sẽ tích cực đóng góp về phương diện này cho Hội Đồng Tăng Già Thế Giới. Với kinh nghiệm hoằng pháp, khả năng sử dụng ngoại ngữ và sự giao lưu rộng rãi với chư Tăng Ni, Phật tử tại nhiều quốc gia, Thượng Tọa có thể góp phần làm nhịp cầu kết nối giữa Phật giáo Việt Nam với Tăng già quốc tế. Đặc biệt, trong thời đại truyền thông và công nghệ phát triển nhanh chóng, việc chuyển tải những sinh hoạt, hội nghị và thông điệp của Hội Đồng đến với cộng đồng Phật tử bằng nhiều phương tiện khác nhau là điều rất cần thiết. Tôi mong Thượng Tọa tiếp tục tham dự các kỳ Đại hội, đóng góp ý kiến trong lĩnh vực hoằng pháp, giáo dục và truyền thông Phật giáo, đồng thời giới thiệu những giá trị tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam đến với bạn bè năm châu. Qua đó, thế hệ Tăng sĩ đi sau có thể tiếp nối tinh thần của các bậc Trưởng lão tiền bối, cùng chung tay xây dựng sự hòa hợp, đoàn kết và hiểu biết giữa các truyền thống Phật giáo. Điều quan trọng không phải là chức vụ, mà là chúng ta có thể làm được gì để Chánh pháp được truyền bá rộng rãi hơn và đem lại lợi ích thiết thực cho con người trong thời đại hôm nay.

21/Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Thế giới hôm nay đang đối diện với chiến tranh, xung đột sắc tộc và tôn giáo, khủng hoảng môi trường, bất bình đẳng và sự phát triển quá nhanh của công nghệ. Theo Ngài, Hội Đồng Tăng Già Thế Giới trong những thập niên tới cần đảm nhận vai trò gì trước những vấn đề chung của nhân loại?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Đạo Phật chúng ta có hai pháp bảo vô cùng quý báu, đó là Từ Bi và Trí Tuệ. Hai phẩm chất này có khả năng bao dung, che chở và đem lại lợi ích cho tất cả nhân loại cũng như mọi loài chúng sanh. Dầu ở thế giới này hay bất cứ thế giới nào khác, tinh thần Từ Bi và Trí Tuệ vẫn là những giá trị căn bản không thể thiếu.

Do vậy, Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, với tư cách là một cơ chế tập hợp nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau trên thế giới, cần thể hiện tinh thần ấy trong bất cứ hoàn cảnh nào: giữa chiến tranh, hận thù, phân chia giai cấp, bất công hay khi nhân loại phải đối diện với những rủi ro và bất ổn.

Ngày nay, dầu công nghệ thông tin có phát triển đến mức nào đi chăng nữa thì tất cả cũng vẫn do con người sáng tạo ra. Chính con người phải làm chủ công nghệ, chứ không nên để mình hoàn toàn lệ thuộc vào nó.

Trong những thập niên tới, tôi nghĩ Hội Đồng Tăng Già Thế Giới cần có một tiếng nói chung mạnh mẽ hơn cho hòa bình, kêu gọi các bên đang xung đột biết đối thoại, biết lắng nghe và biết tôn trọng sự sống của nhau. Người Phật tử không thể làm ngơ trước những đau khổ của con người do chiến tranh, kỳ thị, nghèo đói và bất công gây nên.

Đồng thời, Phật giáo cũng cần góp tiếng nói tích cực hơn trong việc bảo vệ môi trường và gìn giữ sự sống trên trái đất. Đức Phật đã dạy về mối tương quan nhân duyên giữa con người và muôn loài; vì vậy, bảo vệ thiên nhiên cũng chính là bảo vệ sự sống của chính chúng ta và của các thế hệ mai sau.

Hội Đồng cũng nên quan tâm nhiều hơn đến giáo dục thế hệ trẻ, bởi vì người trẻ hôm nay sẽ là những người quyết định diện mạo của thế giới ngày mai. Nếu chỉ có kiến thức và kỹ thuật mà thiếu đạo đức, lòng từ bi và trách nhiệm thì sự tiến bộ ấy chưa chắc đã đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Đối với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, chúng ta không nên sợ hãi, nhưng cũng không nên quá lệ thuộc. Công nghệ phải phục vụ con người, giúp con người giảm bớt khổ đau và tăng trưởng sự hiểu biết; chứ không thể thay thế lương tâm, đạo đức và trí tuệ của con người.

Các truyền thống Theravada, Mahayana và Vajrayana tuy có những phương pháp tu tập và hình thức sinh hoạt khác nhau, nhưng đều cùng hướng đến mục tiêu đoạn trừ tham, sân, si, phát triển lòng từ bi và đưa con người đến đời sống an lạc. Chính những điểm chung ấy cần được Hội Đồng phát huy để xây dựng sự hòa hợp trong Tăng đoàn quốc tế.

Nếu chư Tăng Ni thuộc nhiều quốc gia và truyền thống có thể ngồi lại với nhau trong tinh thần bình đẳng, tôn trọng và hiểu biết, thì Phật giáo có thể đóng góp rất nhiều cho nền hòa bình của thế giới. Sự hòa hợp trong Tăng già cũng chính là một thông điệp hòa bình gửi đến nhân loại.

Tôi cũng mong Hội Đồng Tăng Già Thế Giới trong tương lai sẽ tiếp tục mở rộng những chương trình hoằng pháp, giáo dục, cứu trợ nhân đạo, giao lưu văn hóa và hợp tác quốc tế, để những lời dạy của Đức Phật không chỉ nằm trong kinh sách mà thực sự được ứng dụng vào đời sống con người.

Cuối cùng, dầu thế giới có thay đổi đến đâu, khoa học và công nghệ có tiến xa đến mức nào, con người vẫn cần một đời sống tâm linh có hướng đi và có nền tảng đạo đức. Vì vậy, trên con đường phụng sự nhân sinh và hoằng truyền Chánh pháp, chúng ta hãy luôn lấy Từ Bi và Trí Tuệ làm phương châm để đi vào cuộc đời.

V/ NHÌN LẠI MỘT ĐỜI TU HỌC VÀ TRAO TRUYỀN CHO THẾ HỆ MAI SAU

22/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Ngài đã có hơn 45 đệ tử xuất gia, nhiều vị được đào tạo tại các đại học ở Âu, Á và Mỹ Châu. Trong việc đào tạo thế hệ Tăng Ni kế thừa tại hải ngoại, điều gì khiến Ngài quan tâm nhất hiện nay?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Trên thực tế, tôi chịu ảnh hưởng của nền giáo dục Nhật Bản không ít, vì đây chính là ngành học của tôi khi còn ở bậc Đại học. Mặc dầu thời gian ở Nhật không lâu, chỉ hơn năm năm, kể từ ngày 22 tháng 2 năm 1972 đến ngày 22 tháng 4 năm 1977, nhưng đối với tôi, đó là cả một trời kiến thức, một nguồn năng lượng và biết bao kinh nghiệm tích lũy được trong những tháng ngày tu và học nơi xứ Nhật. Những điều ấy tôi vẫn luôn trân quý cho đến ngày nay.

Ngoài những đệ tử xuất gia của tôi đã tốt nghiệp Tiến sĩ, Cao học hay Đại học tại Đức và nhiều quốc gia trên thế giới, tôi còn cưu mang hơn 200 Tăng Ni sinh du học tại Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đài Loan, Đức v.v... trong nhiều năm, với ngân quỹ tài trợ của chùa Viên Giác Hannover. Kết quả, chỉ riêng tại Ấn Độ đã có 132 vị tốt nghiệp Tiến sĩ; còn số vị tốt nghiệp Cao học và Cử nhân cũng không ít.

Người ta trồng hoa để thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời và vạn vật; còn tôi trồng người để vun bồi trí thức và trí tuệ cho Phật Giáo. Những thành quả này không mất đi, cũng không ai có thể chiếm đoạt được, mà sẽ mãi hiện hữu cùng thời gian và năm tháng.

Khi đi sâu vào Đại Tạng Kinh và hành trì tu tập các bộ kinh căn bản của Đại Thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Đại Bát Nhã v.v..., tôi chỉ mong rằng những thế hệ tương lai, từ các Thầy, các Cô trẻ tuổi cho đến Phật tử tại gia, hãy bắt đầu đọc Đại Tạng Kinh của cả hai truyền thống Nam truyền và Bắc truyền, để có được một cái nhìn sâu rộng và xuyên suốt chiều dài hơn 2.500 năm lịch sử Phật Giáo hiện hữu trên thế gian này.

Hãy nương vào Kinh điển và Giáo pháp của Đức Phật để làm luận cứ khi trao đổi với nhau hay khi thuyết pháp. Đừng chỉ mang kiến giải hạn hẹp của riêng mình để “cả vú lấp miệng em”; đó là điều không nên.

Hãy nương theo Kinh, Luật và Luận để giải thích và luận bàn. Những nền tảng ấy đều nằm trong Tam Tạng Thánh Giáo, được lưu truyền qua nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Ngày nay, bất cứ ở nơi đâu và trong hoàn cảnh nào, những người trẻ trong tương lai cũng đều có thể tiếp cận kho tàng kinh điển ấy một cách thuận tiện qua nhiều ngôn ngữ như Việt, Anh, Pháp, Đức, Hán, Nhật v.v...

23/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Suốt cuộc đời, Ngài vừa xây chùa, lập Giáo hội, đào tạo Tăng Ni, hoằng pháp, viết sách, dịch kinh và tham gia Phật sự quốc tế. Nếu phải chọn một công trình hoặc một việc làm mà Ngài mong thế hệ sau tiếp tục nhất, Ngài sẽ chọn điều gì và vì sao?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Tôi chỉ mong mỗi rằng trong những ngày tháng còn lại của cuộc đời, mình có đủ sức khỏe, trí nhớ và duyên lành để tiếp tục đọc cho hết Đại Tạng Kinh. Bây giờ tuổi đời đã gần 80, mà tôi mới đọc được gần 80 quyển, tính ra chỉ khoảng một phần ba của kho tàng kinh điển đồ sộ ấy. Nghĩ đến đó, tôi vừa thấy vui vì mình vẫn còn có duyên được đọc, nhưng cũng thấy thời gian của một đời người thật quá ngắn so với biển Phật pháp mênh mông.

Khi tuổi đã cao, mắt bắt đầu kém, tai bắt đầu nặng, thân thể cũng không còn khỏe mạnh như thời thanh niên. Có những ngày muốn đọc nhiều hơn nhưng sức lực không cho phép; có những trang kinh phải đọc chậm lại, có những đoạn phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấm được ý nghĩa sâu xa. Nhưng cũng chính lúc tuổi già, sau khi đã trải qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, tôi lại cảm nhận lời Phật dạy sâu sắc hơn. Có những câu kinh khi còn trẻ đọc qua tưởng đã hiểu, nhưng đến lúc tóc bạc mới thấy rằng mình chỉ hiểu được một phần rất nhỏ. Có lẽ vì kinh nghiệm sống, sự tu tập và những va chạm với cuộc đời đã giúp cho mỗi lời kinh dần dần trở nên gần gũi và có sức sống hơn.

Ngược lại, khi còn trẻ, chúng ta có sức khỏe, có đôi mắt sáng, có trí nhớ tốt và có rất nhiều thời gian ở phía trước; nhưng phần nhiều ý thức về sự vô thường và giá trị của thời gian chưa đủ chín muồi. Người trẻ thường nghĩ rằng việc đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp hay đi sâu vào Đại Tạng Kinh có thể để dành đến ngày mai, năm sau hay lúc tuổi lớn hơn. Nhưng thời gian không bao giờ đứng lại để chờ chúng ta. Đến khi thật sự muốn học thì đôi khi sức khỏe đã suy giảm, trí nhớ không còn như trước, và nhiều Phật sự khác cũng đã chiếm hết thời giờ.

Do vậy, tôi rất mong những Thầy, Cô trẻ tuổi cũng như quý Phật tử tại gia, khi còn có sức khỏe và điều kiện thuận lợi, hãy bắt đầu ngay từ bây giờ. Không nhất thiết phải đọc thật nhanh hay đặt ra mục tiêu quá lớn; điều quan trọng là phải hạ thủ công phu, mỗi ngày đọc một ít, học một ít, suy nghiệm một ít và đem những điều mình học được vào đời sống tu tập. Một ngày vài trang, một tháng một quyển, một năm vài bộ; nếu kiên trì suốt nhiều năm thì kho tàng kinh điển tưởng như vô tận ấy cũng sẽ từng bước mở ra trước mắt mình.

Đọc Đại Tạng Kinh không phải để khoe rằng mình đã đọc được bao nhiêu quyển, cũng không phải để tích lũy thêm kiến thức rồi hơn thua với người khác. Điều quan trọng là nhờ đọc mà hiểu rõ hơn lời Phật dạy, giới luật của Đức Phật, tư tưởng của chư vị Luận sư và kinh nghiệm tu chứng của chư Tổ Sư qua hơn hai ngàn năm lịch sử truyền thừa. Khi ấy, sự học mới có thể hỗ trợ cho sự tu, và sự tu lại giúp chúng ta hiểu kinh điển sâu hơn.

Nếu một người xuất gia có thể dành cả đời mình để đi vào Kinh, Luật và Luận, thì đó cũng là một cách báo đáp ân Đức Phật, ân chư Tổ và ân đàn-na tín thí. Đối với người Phật tử tại gia cũng vậy, dù không có nhiều thời gian như người xuất gia, nhưng nếu mỗi ngày dành một khoảng thời gian thanh tịnh để đọc và suy nghiệm lời Phật dạy, thì đời sống tâm linh chắc chắn sẽ ngày càng vững chãi hơn.

Tôi chỉ mong rằng thế hệ sau đừng đợi đến khi tuổi già mới bắt đầu. Khi còn trẻ hãy dùng sức trẻ để học, dùng trí sáng để đọc, dùng thời gian để tu; đến khi tuổi già thì dùng những gì mình đã học và đã tu để soi sáng chính cuộc đời mình. Nếu làm được như vậy, đến cuối đời có thể đọc và thâm nhập được phần lớn Tam Tạng Thánh Giáo của Đức Phật cùng những trước tác của chư Tổ Sư truyền thừa, thì đó là một trong những việc có ý nghĩa nhất của một đời người học Phật.

Bởi vì tiền tài, danh vọng và địa vị rồi cũng sẽ theo vô thường mà thay đổi; nhưng những gì đã được gieo vào tâm thức qua Kinh, Luật, Luận, qua sự tu tập và hành trì Chánh pháp, sẽ trở thành hành trang theo chúng ta trên con đường tâm linh lâu dài. Vì vậy, nếu còn tuổi trẻ, còn sức khỏe và còn thời gian, thì hãy bắt đầu ngay hôm nay, đừng chờ đến ngày mai.

24/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Trong tiểu sử, Ngài vẫn khiêm tốn tự nhận mình là “một nông dân của quê hương xứ Quảng”, đồng thời phát nguyện: “Mình là một dòng sông để chuyên chở những trong đục của cuộc đời và sẽ là mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế.” Sau hơn sáu thập niên đời sống xuất gia, lời nguyện ấy đối với Ngài hôm nay mang ý nghĩa như thế nào?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Dĩ nhiên, những hạnh nguyện ấy vẫn còn đi suốt trọn cuộc đời này với tôi. Là đất thì không chê dơ hay sạch. Bất cứ ai đổ gì lên mặt đất, đất vẫn kham nhẫn chịu đựng, vẫn âm thầm nâng đỡ tất cả mà không hề than trách. Người tốt cũng bước trên đất, người xấu cũng bước trên đất; hoa thơm mọc từ đất mà cỏ dại cũng từ đất sinh ra. Đất không vì thế mà phân biệt, không vì được ca ngợi mà vui, cũng không vì bị giẫm đạp mà buồn. Chính sự rộng lớn, kiên nhẫn và bao dung ấy làm cho tôi nghĩ đến hạnh nguyện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Hạnh Địa Tạng nhắc tôi rằng, người tu học Phật phải biết tập cho tâm mình có sức chịu đựng như đất. Gặp thuận cảnh cũng không quá vui mừng, gặp nghịch cảnh cũng không vội chán nản. Người khác hiểu mình hay không hiểu mình, kính trọng mình hay phê bình mình, tất cả cũng chỉ là những duyên đến rồi đi. Nếu tâm mình đủ rộng thì những điều ấy không thể làm lay chuyển đại nguyện đã phát.

Là nước thì không phân biệt sạch hay nhơ. Nước chảy qua nơi trong sạch cũng được, chảy qua chỗ bùn lầy cũng được; nhưng tự tánh của nước vẫn là nhu hòa, mát dịu và có khả năng làm sạch. Nước không tranh giành với đá, nhưng lâu ngày có thể làm mòn cả đá. Nước không chọn nơi cao sang mà bỏ nơi thấp kém; trái lại, nước luôn tìm chỗ thấp mà chảy đến. Điều đó làm tôi nghĩ đến hạnh nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Hạnh Quán Âm dạy chúng ta biết lắng nghe tiếng khổ của cuộc đời. Muốn cứu khổ thì trước hết phải biết nghe; muốn biết nghe thì tâm mình phải lắng xuống. Khi trong lòng còn đầy thành kiến, hơn thua và phân biệt thì rất khó nghe được nỗi đau của người khác. Nhưng nếu có thể tập cho tâm mình mềm mại như nước, thì dù gặp người thuận hay nghịch duyên, mình vẫn có thể đối đãi bằng sự cảm thông và lòng từ bi.

Đất dạy cho tôi kham nhẫn, nước dạy cho tôi nhu hòa. Đất cho tôi sức chịu đựng, nước cho tôi khả năng thích ứng. Một bên là kiên cố mà không cứng nhắc; một bên là mềm mại mà không yếu đuối. Hai hạnh nguyện ấy bổ sung cho nhau và trở thành những bài học rất lớn trên con đường tu tập của tôi.

Do vậy, tôi vẫn nguyện học theo hạnh của hai vị Bồ Tát này. Ở đâu có chúng sanh khổ đau thì ở đó cần có lòng từ bi; ở đâu có nghịch cảnh thì ở đó cần có sự kham nhẫn. Dầu ở cõi này hay cõi khác, dầu trong hoàn cảnh thuận lợi hay khó khăn, tôi vẫn muốn giữ tâm mình như đất, rộng mà không chấp; như nước, mềm mà không mất hướng đi.

Tôi nghĩ rằng người tu không nhất thiết phải làm những việc quá lớn lao mới gọi là hành Bồ Tát đạo. Đôi khi chỉ cần nhẫn được một lời khó nghe, tha thứ được một người đã làm mình tổn thương, lắng nghe được một người đang đau khổ, giúp đỡ được một người đang tuyệt vọng, thì đó cũng đã là bước đi trên con đường của Địa Tạng và Quán Thế Âm rồi.

Từ những việc nhỏ như vậy, lâu ngày mới thành hạnh nguyện lớn. Đại nguyện không phải chỉ phát trong một ngày, mà phải được nuôi dưỡng qua từng ngày sống, từng nghịch cảnh, từng lần mình biết buông xuống cái tôi để nghĩ đến người khác.

Do vậy, dầu cho có ở cõi này hay cõi khác trong tam thiên đại thiên thế giới, tôi vẫn luôn nguyện giữ đại nguyện ấy: lấy hạnh Địa Tạng làm sức nhẫn chịu, lấy hạnh Quán Âm làm lòng lắng nghe, lấy Từ Bi làm phương tiện và lấy Trí Tuệ làm ánh sáng dẫn đường.

Nếu còn một chúng sanh cần được an ủi thì mình vẫn còn việc để làm; nếu còn một nỗi khổ cần được lắng nghe thì lòng từ vẫn còn chỗ để hiện hữu. Và nếu còn một ngày được sống trong Chánh pháp thì tôi vẫn nguyện tiếp tục học, tiếp tục hành và tiếp tục gieo những hạt giống lành ấy cho đời.

25/ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng: Sau cùng, nếu được gửi một lời nhắn đến Tăng Ni trẻ và Phật tử Việt Nam đang sinh sống khắp năm châu, đặc biệt là thế hệ sinh ra và trưởng thành ở hải ngoại, Ngài muốn trao truyền điều gì để Chánh pháp và văn hóa Phật giáo Việt Nam có thể tiếp tục được gìn giữ và phát triển trong 50 hay 100 năm tới?

Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Như Điển: Chúng ta sống ở ngoại quốc này có hai bổn phận rất quan trọng. Bổn phận thứ nhất là phải biết hội nhập vào đời sống xã hội, văn hóa, giáo dục và môi trường tôn giáo của quốc gia nơi mình đang sinh sống. Hội nhập không có nghĩa là chỉ biết nói ngôn ngữ của họ hay tuân theo luật pháp của họ, mà còn phải hiểu cách suy nghĩ, nếp sống, tinh thần trách nhiệm và những giá trị tốt đẹp của xã hội ấy. Có hiểu thì mới sống hài hòa; có hòa nhập thì mới có thể đóng góp; và có đóng góp thì sự hiện diện của người Việt cũng như của Phật Giáo Việt Nam tại xứ người mới thật sự có ý nghĩa.

Nhưng bổn phận thứ hai là không được quên cội nguồn của mình. Chúng ta không thể vì sống lâu năm ở ngoại quốc mà quên đi văn hóa, phong tục, tiếng nói, tình cảm gia đình và truyền thống tâm linh mà Ông Bà, Cha Mẹ đã trao truyền. Bởi nơi ấy chính là chiếc nôi đã nuôi dưỡng chúng ta từ thuở ban đầu, cho chúng ta tiếng nói đầu tiên, lời ru đầu đời, tình thương gia đình và những giá trị đạo đức căn bản để làm người.

Tôi thường suy nghĩ về lời nhắn nhủ của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 rằng, dầu quế hương đã ở lại phía sau, người sống xa quê cũng đừng để mất đi bản chất của nền văn hóa dân tộc và truyền thống tôn giáo nơi mình đã được sinh ra và lớn lên. Điều ấy rất đáng để chúng ta suy nghiệm.

Một cái cây muốn vươn cành thật xa thì bộ rễ của nó phải cắm thật sâu vào lòng đất. Người sống xa quê cũng vậy. Hội nhập càng sâu vào xã hội mới thì càng cần biết mình từ đâu đến. Nếu không biết nguồn gốc của mình, con người rất dễ trở thành một cành cây bị cắt khỏi gốc: vẫn có thể xanh trong một thời gian, nhưng khó có thể truyền lại sức sống cho những thế hệ tiếp theo.

Do vậy, tôi chỉ mong rằng người Việt Nam đừng bao giờ quên tiếng mẹ đẻ của mình, dầu đó là Tăng Ni hay Phật tử tại gia.

Ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là phương tiện để nói chuyện với nhau. Trong mỗi tiếng nói còn chứa cả lịch sử, văn hóa, tình cảm và ký ức của một dân tộc. Khi một đứa trẻ còn nói được tiếng Việt với Ông Bà, Cha Mẹ thì giữa các thế hệ vẫn còn một cây cầu. Khi cây cầu ngôn ngữ ấy mất đi thì nhiều khi tình cảm vẫn còn, nhưng những chiều sâu của văn hóa và tâm linh rất khó truyền trao trọn vẹn.

Đối với người Phật tử Việt Nam ở hải ngoại, tiếng Việt lại càng quan trọng hơn nữa. Qua tiếng Việt, chúng ta có thể đọc những lời kinh Ông Bà từng tụng, hiểu những câu kệ Cha Mẹ từng niệm, nghe được tiếng chuông chùa gọi nhớ quê hương và tiếp xúc với cả một kho tàng văn học Phật Giáo Việt Nam đã được chư Tổ và các bậc tiền nhân trao truyền qua nhiều thế hệ.

Tất nhiên, chúng ta không thể bắt thế hệ trẻ phải sống giống hoàn toàn như thế hệ thứ nhất. Mỗi thế hệ có hoàn cảnh, môi trường và cách suy nghĩ riêng. Điều chúng ta có thể làm là gieo hạt giống. Hãy tạo cho các em cơ hội học tiếng Việt, đến chùa, sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, nghe kể về quê hương và hiểu rằng mình đang thừa hưởng hai nền văn hóa chứ không phải bị kẹt giữa hai nền văn hóa.

Nếu các em có thể vừa là một công dân tốt của Đức, Pháp, Mỹ, Úc, Canada hay bất cứ quốc gia nào mình đang sinh sống, vừa hiểu được nguồn gốc Việt Nam và giữ được những giá trị từ bi, hiếu kính và biết ơn của Phật Giáo, thì đó chính là một sự hội nhập thành công.

Hội nhập nhưng không hòa tan; mở cửa với thế giới nhưng không đóng cửa với cội nguồn. Tôi nghĩ đó là con đường thích hợp nhất cho người Việt và Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại trong những thế hệ mai sau.

Riêng đối với người xuất gia, trách nhiệm ấy lại càng lớn hơn. Một vị Tăng Ni sống ở phương Tây phải biết ngôn ngữ và văn hóa bản địa để hoằng pháp, nhưng đồng thời cũng phải giữ gìn được giới luật, truyền thống tu học và những nét đẹp của Phật Giáo Việt Nam. Có như vậy, chúng ta mới vừa trao truyền được Chánh pháp cho người bản xứ, vừa giữ được chiếc cầu nối tâm linh cho con cháu người Việt sinh trưởng nơi xứ người.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn 25 câu hỏi rất có ý nghĩa của Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng. Những câu hỏi này đã giúp tôi có dịp nhìn lại một đoạn đường dài của đời mình: từ một chú Tiểu ở quê nhà Quảng Nam, sang Nhật Bản học tập, rồi đến Đức hoằng pháp; từ những ngày đầu nơi xứ người với hai bàn tay gần như trắng, cho đến khi chùa Viên Giác được hình thành; từ những công việc giáo dục, hoằng pháp, phiên dịch, viết sách, đào tạo Tăng tài cho đến những Phật sự quốc tế trải dài qua nhiều châu lục.

Nhìn lại tất cả những việc ấy, tôi vẫn nghĩ rằng không phải một mình tôi làm được, mà đó là sự hội tụ của rất nhiều nhân duyên: ân Tam Bảo, ân Thầy Tổ, ân Cha Mẹ, ân Giáo Hội, ân đất nước đã cưu mang mình, ân của những người đã giúp đỡ và ngay cả những nghịch duyên đã giúp mình trưởng thành hơn trên con đường tu học.

Những gì đáng nhớ thì xin được xem như một chút kỷ niệm để chia sẻ với những thế hệ đi sau. Những gì còn thiếu sót thì xin được tiếp tục học hỏi và sửa đổi.

Nếu trong những câu trả lời này, vì trí nhớ của tuổi già, vì cách nhìn của cá nhân hoặc vì lời nói chưa được trọn vẹn mà có điều gì vô tình xúc phạm đến một đoàn thể hay một cá nhân nào, thì trách nhiệm ấy hoàn toàn thuộc về tôi. Tôi thành tâm xin được hoan hỷ và lượng thứ.

Ở tuổi gần 80, tôi không còn mong cầu điều gì lớn cho riêng mình. Chỉ mong còn đủ sức khỏe để tiếp tục đọc kinh, dịch sách, viết những gì cần viết, làm những Phật sự còn có thể làm và trao lại cho thế hệ sau những gì mình đã học được trong hơn sáu mươi năm sống đời xuất gia.

Cuộc đời rồi cũng phải đi đến điểm cuối. Chùa chiền, sách vở, danh vị hay những thành quả thế gian rồi cũng sẽ theo định luật vô thường. Điều còn lại có lẽ chỉ là những hạt giống thiện lành mà chúng ta đã gieo vào lòng người.

Nếu một người nhờ đọc một trang sách mà hiểu thêm Phật pháp; một người trẻ nhờ được nâng đỡ mà trở thành Tăng tài; một Phật tử nhờ nghe một thời pháp mà biết quay về với chính mình; hay một người xa quê nhờ bước vào chùa mà còn nhớ được tiếng Việt, nhớ đến Ông Bà Cha Mẹ và nhớ rằng mình có một cội nguồn, thì những gì chúng ta đã làm trong cuộc đời này cũng không phải là vô ích.

Tôi chỉ mong được tiếp tục đi như vậy cho đến hơi thở cuối cùng: lấy Từ Bi làm tâm, lấy Trí Tuệ làm ngọn đèn, lấy giáo pháp của Đức Phật làm con đường và lấy sự lợi lạc của chúng sanh làm nơi hướng đến.

Xin thành tâm cảm ơn Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng và tất cả quý độc giả trang nhà Hoằng Pháp, Viên Giác và Quảng Đức đã dành thời gian lắng nghe những lời tâm sự của một người xuất gia đã đi qua gần tám mươi năm cuộc đời. Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh.

TT. Thích Nguyên Tạng: Chúng con xin thay mặt quý độc giả Trang Nhà Hoằng Pháp, Viên Giác và Quảng Đức, thành kính tri ân Hòa Thượng đã hoan hỷ dành thời gian quý báu cho chúng con trong cuộc phỏng vấn hôm nay, chia sẻ những kỷ niệm, kinh nghiệm và tâm nguyện của Ngài qua hơn sáu thập niên tu học và phụng sự Chánh pháp.

Kính nguyện Hồng ân Tam Bảo gia hộ Hòa Thượng pháp thể khinh an, đạo thọ miên trường, tuệ đăng thường chiếu, tiếp tục là bóng đại thọ che mát hàng hậu học, hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử trên con đường tu học, hoằng pháp và phiên dịch kinh điển; đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và Hội Đồng Tăng Già Thế Giới.

Nhân dịp kỷ niệm chu niên 60 năm Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, chúng con kính chúc Hội Đồng ngày càng trang nghiêm, hòa hợp và phát triển, tiếp tục là nhịp cầu kết nối Tăng già các truyền thống Phật giáo trên

khắp năm châu, cùng chung sức phụng sự Chánh pháp, đem thông điệp Từ bi, Trí tuệ và Hòa bình của Đức Thế Tôn đến với nhân loại.

Một lần nữa, chúng con thành kính đánh lễ, tri ân và kính chúc Hòa Thượng pháp thể khinh an và Pháp duyên vô ngại.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.
Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng
-Chủ Biên Trang Nhà Quảng Đức
-Trụ Trì Tu Viện Quảng Đức, Melbourne, Úc Châu
-Trưởng Ban Báo Chí-Xuất Bản thuộc Viện Tăng Thống GHPGVNTN
-Thành Viên Ban Hoằng Pháp Hội Đồng Tăng Già Thế Giới